

Lào Cai, ngày 18 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO

Tình hình quản lý hoạt động khai thác, sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Căn cứ văn bản số 2022/ĐCKS-KSMB ngày 03/7/2017 của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam về việc báo cáo tình hình quản lý hoạt động khai thác, sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường theo nội dung hướng dẫn trong đề cương kèm theo, UBND tỉnh Lào Cai tổng hợp báo cáo như sau:

1. Khái quát về tiềm năng đá làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Lào Cai là một tỉnh có nguồn tài nguyên khoáng sản khá phong phú. Do đặc trưng là tỉnh miền núi, Lào Cai có nguồn đá xây dựng rất lớn, hầu như được phân bố rộng khắp ở tất cả các huyện, thành phố, tính đến thời điểm này toàn tỉnh có 82 mỏ và điểm mỏ được cấp phép thăm dò với mô quy khai thác tài nguyên vừa và nhỏ, trữ lượng các mỏ từ 219.003 m³ đến 8.500.000 m³ chất lượng đá tại các mỏ trên địa bàn cơ bản đáp ứng các chỉ tiêu để sản xuất cốt liệu lớn cho bê tông và các vật liệu sử dụng cho kết cấu đường giao thông. Tuy nhiên, đối với đá vôi làm xi măng thì khá hạn chế. Theo tài liệu điều tra khảo sát về địa chất - khoáng sản, thì hiện nay trên địa bàn tỉnh Lào Cai chỉ có 02 điểm đá vôi làm xi măng đã được Liên đoàn Địa chất Tây Bắc phát hiện trong quá trình phổ tra bản đồ tỷ lệ 1/50.000 năm 1996, cụ thể:

+ Điểm đá vôi xi măng Pâu Nam thuộc huyện Bảo Yên: Là điểm đá vôi bị phong hóa có xem kẹp lớp mỏng đá phiến thạch anh sericit của hệ tầng Hà Giang. Dải đá vôi kéo dài 7-10km, rộng 1-2km. Xen kẹp có các lớp đá hoa màu trắng tinh khiết cấu tạo; thành phần (%): CaO: 54.7, MgO: 0.5, SiO₂: 0.41. Tài nguyên dự báo: P2: 64 triệu m³; nguồn gốc trầm tích.

+ Điểm đá vôi xi măng Việt Tiến thuộc huyện Bảo Yên: Đá vôi tại đây bị hoa hoá và thuộc hệ tầng Hà Giang. Dải đá vôi này kéo dài khoảng 2-3km, phân lớp mỏng; thành phần (%): CaO: 51.98, MgO: 1.53, SiO₂: 2.88, P₂O₅: 0.183. Tài nguyên dự báo: P2: 30 triệu m³; nguồn gốc trầm tích.

Cho đến nay, chưa có tài liệu cũng như kết quả thăm dò chi tiết đối với 02 điểm đá vôi này. Chính vì vậy, 02 điểm mỏ này chưa được đưa vào quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng cũng như cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Tổng số giấy phép khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường còn hiệu lực tính đến thời điểm hiện tại trên địa bàn toàn tỉnh là 29 giấy phép, đang sản xuất đá làm cốt liệu cho bê tông và kết cấu đường giao thông với sản lượng khai thác hàng năm là 1,4 triệu m³ phục vụ cho các dự án xây dựng các công trình trọng điểm trên toàn tỉnh.

Hiện trạng các mỏ đang khai thác, sản xuất đá tại các huyện, thành phố trong tỉnh có chất lượng đá được khai thác đảm bảo để sản xuất cốt liệu cho bê tông và sử dụng cho kết cấu đường giao thông. Cụ thể đối với từng huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh như sau:

- **Huyện Bảo Thắng:** Là nơi tập trung trữ lượng đá dồi dào và có nhiều đơn vị khai thác đá với quy mô lớn nhất toàn tỉnh. Hiện tại trên địa bàn huyện có 13 đơn vị hiện đang khai thác.

+ Công ty TNHH TM Lương Hà: Đang khai thác mỏ đá tại thôn Bản Cầm, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng. Công ty đầu tư một dây chuyền công nghệ sản xuất trong nước với công suất thiết kế 100.000 m³/năm. Sản lượng năm 2016 đạt 99.820 m³.

+ Công ty TNHH xây lắp công trình Hồng Toàn: Đang khai thác mỏ đá tại thôn Bản Cầm, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng. Công ty đầu tư một dây chuyền công nghệ, công suất thiết kế 200.000m³/năm. Sản lượng năm 2016 đạt 162.983 m³. Các loại sản phẩm đá đảm bảo yêu cầu dùng cho bê tông và kết cấu đường giao thông, được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

+ Công ty TNHH MTV Thiên Thanh: Khai thác mỏ đá thôn Toòng Già 1, TT Phong Hải, huyện Bảo Thắng. Có một dây chuyền sản xuất đá công suất 40.000 m³/năm.

+ Công ty Cổ phần Phú Hà: Đang khai thác mỏ đá tại thôn Bản Cầm, thôn Nậm Tang, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng. Có một dây chuyền công nghệ khai thác đá với công suất thiết kế 200.000 m³/năm. Năm 2016 sản lượng đạt 110.000 m³. Sản phẩm được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Các loại sản phẩm đá đảm bảo yêu cầu dùng cho bê tông và kết cấu đường giao thông, được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

+ Công ty CPĐTXD & PT Năng lượng Phúc Khánh: Mỏ đá thôn Sáng Pả (Toòng Già), TT Phong Hải, huyện Bảo Thắng. Có một dây chuyền công nghệ với công suất thiết kế 25.000m³/năm. sản lượng năm 2015 đạt 23.250m³ và năm 2016 công ty đang xin tạm dừng khai thác.

+ Công ty TNHH MTV Hoàng Liên Thanh: Mỏ đá thôn Toòng Già 1, TT Phong Hải, huyện Bảo Thắng. Công ty đầu tư một dây chuyền sản xuất với công suất thiết kế 20.000m³/năm, năm 2016 Công ty tạm dừng khai thác.

+ Công ty TNHH XDTH Minh Đức: Khai thác mỏ đá thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng. Có một dây chuyền công nghệ được sản xuất trong nước, với công suất thiết kế 96.000m³/năm. Sản lượng khai thác năm 2016 là 13.989 m³ (do nhu cầu thị trường giảm).

+ Công ty CPĐTXD&TM Nam Tiến: Khai thác mỏ đá thôn Bản Cầm, thôn Nậm Tang, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng. Có một dây chuyền công nghệ được sản xuất trong nước, công suất thiết kế 40.000m³/năm. Sản lượng năm 2016 đạt 97.338m³.

+ Danh nghiệp tư nhân Thanh Liên: Chưa đưa vào khai thác do chưa thực hiện xong công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

+ Công ty Phúc Lộc - Cường Thịnh Thi: Khai thác mỏ đá thôn Bản Cầm, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng. Công ty đầu tư một dây chuyền công nghệ được sản xuất trong nước, có công suất thiết kế 45.000 m³/năm.

+ Doanh nghiệp tư nhân Đức Mạnh: Khai thác mỏ đá thôn Cốc Sầm 3, xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng. Công ty đầu tư một dây chuyền công nghệ công suất thiết kế 45.000m³/năm. Sản lượng năm 2016 đạt 13.859 m³.

+ Công ty TNHH XDTH Minh Đức: Khai thác mỏ đá thôn Nậm Tang, xã Bản Cầm, huyện Bảo Thắng. Công ty đầu tư một dây chuyền công nghệ được sản xuất trong nước, công suất thiết kế 100.000 m³/năm. Sản lượng năm 2016 đạt 6.876m³ (do nhu cầu thị trường giảm).

+ Công ty TNHH MTV Đức Hạnh: Khai thác mỏ đá Km38, thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng. Công ty đầu tư xây dựng một dây chuyền sản xuất đá với công suất thiết kế 70.000m³/năm. Sản lượng năm 2016 đạt 52.075m³.

- **Huyện Bắc Hà:** Theo điều tra khảo sát và đánh giá, trên địa bàn huyện Bắc Hà có 3 đơn vị được khai thác và sản xuất chủ yếu phục vụ các công trình xây dựng trên địa bàn huyện. Các loại sản phẩm đã được chứng nhận phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, đảm bảo yêu cầu dùng cho bê tông và kết cấu đường giao thông. Tổng sản lượng hàng năm đạt khoảng 120.000 m³/năm. Cụ thể như sau:

+ Công ty TNHH Anh Nguyên: Đang khai thác mỏ đá Tả Hồ, thôn Tả Hồ, xã Tả Chải, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Công ty đầu tư một dây chuyền sản xuất và lắp ráp trong nước, công suất thiết kế 45.000m³/năm. Sản lượng khai thác năm 2016 đạt 44.955m³.

+ Công ty TNHH Cao Hà: Đang khai thác mỏ đá thôn Hòa Su Pán, xã Na Hối, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Công ty đầu tư dây chuyền công nghệ sản xuất

và lắp giáp trong nước, công suất thiết kế 45.000m³/năm. Sản lượng khai thác năm 2016 đạt 29.806 m³.

+ Công ty TNHH MTV xây dựng 189: Mỏ đá thôn Bản Mẹt Ngoài, xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà. Công ty đầu tư dây chuyền công nghệ sản xuất và lắp giáp trong nước, công suất thiết kế 35.000 m³/năm. Sản lượng khai thác năm 2016 đạt 33.959m³. Sản phẩm là đá dăm dùng cho bê tông và các vật liệu cho kết cấu đường giao thông, được tiêu thụ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- **Huyện Mường Khương:** Trên địa bàn huyện hiện có 4 đơn vị khai thác, sản xuất:

+ Công ty TNHH Đông Hải: Mỏ đá thôn Mã Tuyên 2, xã Mường Khương, huyện Mường Khương. Công ty đầu tư dây chuyền sản xuất đá được sản xuất trong nước. Công suất 35.000m³/năm. Sản lượng năm 2016 đạt 28.514m³.

+ Công ty TNHH MTV Hưng Phát: Mỏ đá thôn Mã Tuyên 3, thị trấn Mường, huyện Mường Khương. Bao gồm một dây chuyền sản xuất, được chế tạo trong nước. Công suất thiết kế 30.000m³. Sản lượng năm 2016 đạt 19.138m³.

+ Công ty TNHH Quang Hưng: Mỏ đá Na Pù Sáo, thôn Na Khuy, thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương. Bao gồm một dây chuyền sản xuất, được chế tạo trong nước. Công suất thiết kế 30.000 m³.

+ DNTN Khước Tĩnh: Mỏ đá thôn Lùng Tao, xã Bản Lầu, huyện Mường Khương. Công suất khai thác 15.000m³/năm. Đến thời điểm hiện tại đơn vị chưa khai thác.

- **Huyện Bảo Yên:** Bảo Yên có nguồn cát dồi dào, nhưng đá lại rất hạn chế. Hiện tại trên địa bàn huyện có 02 đơn vị được cấp phép khai thác.

+ Công ty TNHH MTV Duy Hiếu: Bàn mỏ đá, xã Tân Dương với công suất thiết kế 30.000m³/năm. Năm 2016 đạt sản lượng khai thác 9.500 m³/năm.

+ Công ty TNHH Khoáng Sản và Luyện Kim Việt Trung: Mỏ đá thôn 5 Mai Đào, xã Thượng Hà với công suất thiết kế 45.000m³/năm. Chưa đưa vào khai thác.

- **Huyện Văn Bàn:** Có trữ lượng đá lớn, hiện tại có 7 đơn vị đang khai thác. Các đơn vị sử dụng dây chuyền công nghệ khai thác, chế biến được sản xuất trong nước, công suất thiết kế từ 15.000 – 100.000m³/năm. Sản lượng khai thác của mỗi đơn vị đạt từ 10.000 - 100.000 m³/năm. Tổng sản lượng khai thác của các đơn vị năm 2016 đạt 168.950 m³. Sản phẩm được tiêu thụ trong huyện, ngoài ra cung cấp một lượng lớn cho các vùng lân cận.

- Công ty CPĐT quốc tế Sa Pa: Mỏ đá thôn Tam Đình, xã Sơn Thủy. Công suất khai thác 45.000m³/năm. Chất lượng đá đảm bảo yêu cầu để sản xuất cốt liệu cho bê tông xi măng và các loại vật liệu sử dụng cho kết cấu đường giao thông, đơn vị khai thác cần điều chỉnh cỡ sàng để sản xuất đá (5-20)mm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Công ty TNHH MTV XD Trung Anh: Mỏ đá thôn Làng Vinh, xã Võ Lao. Công suất khai thác 100.000m³/năm. Sản lượng năm 2016 là 111.450 m³. Chất lượng đá đảm bảo yêu cầu để sản xuất cốt liệu cho bê tông xi măng và các loại vật liệu sử dụng cho kết cấu đường giao thông, đơn vị khai thác cần điều chỉnh cỡ sàng để sản xuất đá (5-20) mm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- Doanh nghiệp Sơn Trung: Mỏ đá Pá Chiêu, thôn Noong Chai, xã Khánh Yên Trung. Công suất khai thác 15.000 m³/năm. Sản lượng năm 2016 đạt 15.000m³. Chất lượng đá đảm bảo yêu cầu để sản xuất cốt liệu cho bê tông xi măng và các loại vật liệu sử dụng cho kết cấu đường giao thông, đơn vị khai thác cần điều chỉnh cỡ sàng để sản xuất đá (5-20)mm đảm bảo yêu cầu kỹ thuật.

- HTX Xuân Thành: Mỏ đá Vạy Ú, thôn Noong Dòn, xã Khánh Yên Thượng. Công suất khai thác 20.000m³/năm. Sản lượng năm 2016 đạt 14.000 m³.

- Công ty CP XL&VT Long Vũ: Mỏ đá thôn Nà Lộc, xã Khánh Yên Thượng. Công suất khai thác 80.000m³/năm. Sản lượng năm 2016 đạt 28.500m³. Chất lượng đá đảm bảo yêu cầu để sản xuất cốt liệu cho bê tông xi măng mác đến 250 và vật liệu cấp phối đá dăm lớp móng dưới trong kết cấu đường giao thông.

- Công ty CP XD giao thông 18: Mỏ đá Khe Bàn 2, xã Tân An, huyện Văn Bàn. Công suất khai thác 60.000 m³/năm.

- Công ty TNHH TMTH Thái Bảo: Mỏ đá thôn Nà Lộc và khu vực Đán Đăm, xã Khánh Yên Thượng, huyện Văn Bàn. Công suất khai thác 50.000 m³/năm. Chất lượng đá đảm bảo yêu cầu để sản xuất cốt liệu cho bê tông xi măng mác đến 250 và vật liệu cấp phối đá dăm lớp móng dưới trong kết cấu đường giao thông.

Nhìn chung, nguồn đá xây dựng của Lào Cai chủ yếu phục vụ cho chế tạo bê tông và các công trình xây dựng giao thông. Đá có chất lượng tốt, một số khu vực đá có cường độ cao, tỷ lệ lượng hạt thoi dẹt nhỏ, sử dụng chế tạo bê tông mác cao phục vụ các công trình quan trọng như nhà cao tầng, hầm, cầu.... Nhu cầu đá xây dựng của Lào Cai trong giai đoạn vừa qua tăng trưởng rất nhanh do hàng loạt các công trình xây dựng, khu đô thị, khu công nghiệp, công trình giao thông được nâng cấp, cải tạo và làm mới. Sản lượng khai thác đá toàn tỉnh năm 2016 đạt 1,4 triệu m³ (trong đó có cả khối lượng tận thu đá trong phạm vi diện tích công trình) đáp ứng nhu cầu đá xây dựng của tỉnh.

Với tiềm năng hạn chế về khoáng sản đá vôi làm xi măng, có thể nhận thấy đóng góp của hoạt động khai thác, sử dụng đá vôi làm xi măng cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh là rất hạn chế.

Trong thời gian tới, có thể xem xét kêu gọi các tổ chức, cá nhân đầu tư vào thăm dò, đánh giá trữ lượng 02 điểm đá vôi nêu trên và một số điểm đá vôi làm VLXD có hàm lượng CaO phù hợp để cung cấp nguyên liệu phục vụ cho các nhà máy luyện kim trên địa bàn tỉnh.

Đá xây dựng: Đây là một trong những thế mạnh của tỉnh Lào Cai, cần phát huy đầu tư, tiếp tục cải tiến dây chuyền công nghệ sản xuất theo hướng tiên tiến, đồng bộ bao gồm thiết bị gia công, sàng, vận chuyển đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của sản phẩm, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khuyến khích đầu tư các cơ sở khai thác có công suất không nhỏ hơn 100.000 m³/năm. Phối hợp công nghệ chế biến cốt liệu lớn và cát nghiền. Thực hiện nghiêm túc việc hoàn nguyên mỏ theo quy định.

2. Công tác quản lý nhà nước đối với đá sử dụng làm VLXD thông thường

2.1. Kết quả công tác lập, phê duyệt quy hoạch:

Từ năm 1996, tỉnh Lào Cai đã quan tâm đến việc điều tra, khảo sát nguồn nguyên liệu đá để làm vật liệu xây dựng với trữ lượng ước tính trên 100 triệu m³, đã lập, phê duyệt Quy hoạch vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh năm 1996, nguồn nguyên liệu đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường và làm nguyên liệu phục vụ công nghiệp sản xuất xi măng đã được quy hoạch và tổ chức khai thác, sử dụng có hiệu quả đáp ứng nhu cầu vật liệu xây dựng trên địa bàn trong những năm đầu tái lập.

Cho đến năm 2006 và 2008, đứng trước yêu cầu phát triển của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn giai đoạn 2005-2020, tỉnh đã rà soát lập và phê duyệt Quy hoạch vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2005-2020 trên cơ sở kế thừa phát triển Quy hoạch năm 1996, trong đó đã khảo sát đưa vào quy hoạch 30 điểm mỏ, khu mỏ phục vụ thăm dò, khai thác đá sử dụng làm vật liệu xây dựng thông thường được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 356/QĐ-UBND ngày 13/02/2006 phê duyệt Quy hoạch bổ sung các mỏ vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2005-2020 và Quyết định số 3690/QĐ-UBND ngày 04/12/2008; Tuy nhiên, do tốc độ đô thị hóa tại địa bàn các huyện, thành phố trong tỉnh Lào Cai tăng nhanh, những mỏ, điểm mỏ được lập trong quy hoạch và đang khai thác nay nằm trong quy hoạch xây dựng phát triển đô thị, không cho phép tiếp tục đầu tư khai thác trong giai đoạn 2005-2020, bên cạnh đó việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giao thông cũng làm thay đổi về diện tích khai thác theo quy hoạch đã duyệt. Do đó, năm 2016 đã rà soát, điều chỉnh quy hoạch vật liệu xây dựng thông thường trên

địa bàn tỉnh Lào Cai đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt tại Quyết định số 3788/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 và Quyết định số 77/QĐ-UBND ngày 09/01/2017.

Công tác khoáng định, phê duyệt khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản đã được ban hành và khoáng định cụ thể về ranh giới, diện tích, tọa độ tại Quyết định số 1407/QĐ-UBND ngày 19/5/2015 của UBND tỉnh Lào Cai (theo ủy quyền của Thủ tướng chính phủ).

2.2. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác nói chung và bảo vệ tài nguyên đá làm vật liệu xây dựng thông thường chưa khai thác nói riêng trên địa bàn tỉnh Lào Cai đã được quan tâm và chỉ đạo sát sao. Năm 2017, UBND tỉnh Lào Cai đã ban hành Quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 10/8/2017 về việc ban hành Phương án quản lý, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2.3. Kết quả công tác cấp phép thăm dò, khai thác đá làm VLXD thông thường thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh Lào Cai:

Tính đến thời điểm hiện nay, UBND tỉnh Lào Cai đã cấp 82 giấy phép thăm dò, khai thác đá làm VLXD thông thường. Trong đó số lượng giấy phép khai thác đá đang còn hiệu lực và hiện đang hoạt động khai thác là 29 giấy phép.

(Danh sách các mỏ cấp phép thăm dò, khai thác đá trên địa bàn tỉnh có phụ biểu số 01 và danh sách các mỏ khai thác đá còn hiệu lực do UBND tỉnh cấp phép có phụ biểu số 02 kèm theo)

2.4. Kết quả phê duyệt trữ lượng trong báo cáo kết quả thăm dò đá làm VLXD thông thường.

Tính đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh có 52 mỏ và điểm mỏ đã được phê duyệt trữ lượng theo báo cáo kết quả thăm dò với tổng trữ lượng đã được phê duyệt là: 88.212.671 m³.

(Danh sách các mỏ đã được phê duyệt trữ lượng có phụ biểu số 03 kèm theo)

2.5. Công tác tổ chức thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Từ năm 2005 đến nay, có 38 dự án khai thác đá làm vật liệu xây dựng thông thường được UBND tỉnh Lào Cai phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và Dự án/Đề án/Phương án cải tạo phục hồi môi trường (gọi tắt là Phương án), trong đó có 01 dự án nằm trong dự án khác đã có Phương án được phê duyệt không phải lập Phương án; 01 dự án đã có cam kết bảo vệ môi trường không lập báo cáo ĐTM, 01 dự án lập lại Phương án CTPHMT. Tổng số tiền ký quỹ được thẩm định và phê duyệt trên 20,4 tỷ đồng.

Cấp phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả thải vào nguồn nước cho các dự án khai thác đá: Chưa thực hiện cấp phép khai thác nước cho các dự án khai thác đá do nhu cầu sử dụng nước của các đơn vị rất ít để phục vụ sinh hoạt của người lao động và phun nước dập bụi.

2.6. Công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật về khoáng sản năm 2015 và 2016 thuộc thẩm quyền của địa phương:

- Năm 2015: Đã tiến hành 10 cuộc thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch và đột xuất việc chấp hành pháp luật khoáng sản của 32 tổ chức, cá nhân. Đã xử phạt vi phạm hành chính 05 tổ chức, cá nhân với số tiền 151.885.505 đồng.

Năm 2016: Đã tiến hành 08 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 30 tổ chức. Đã xử phạt vi phạm hành chính 10 tổ chức, cá nhân với số tiền 1.396.000.000 đồng.

Riêng đối với khai thác đá làm VLXD thông thường năm 2015 và năm 2016 đã thực hiện xử lý vi phạm đối với 10 tổ chức cá nhân bằng hình thức phạt tiền là 120.000.000 đồng, đồng thời có văn bản yêu cầu các đơn vị khắc phục tồn tại.

Qua công tác thanh tra, kiểm tra đã nâng cao hơn trách nhiệm của các cấp chính quyền. UBND cấp huyện, xã đã có nhiều cố gắng thực hiện các biện pháp để tăng cường công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn. Các hoạt động khai thác trái phép đã được phát hiện, ngăn chặn và xử lý dứt điểm. Các đơn vị hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản trên địa bàn đã nghiêm túc thực hiện và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) và Đề án cải tạo phục hồi môi trường trình cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt. Chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Toàn bộ chất thải, chất thải nguy hại (CTNH) được thu gom; đăng ký chủ nguồn thải với Sở Tài nguyên và Môi trường. Thực hiện ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh. Các dự án đều niêm yết công khai thông tin về môi trường tại UBND xã và tại khu vực triển khai dự án để cộng đồng giám sát.

Về việc theo dõi kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính của các cá nhân, tổ chức liên quan: Về cơ bản các tổ chức cá nhân đều chấp hành theo quy định.

3. Hoạt động thăm dò, khai thác và sử dụng đá làm vật liệu xây dựng thông thường.

3.1. Số lượng các khu vực đã được UBND tỉnh cấp giấy phép thăm dò đá làm VLXD thông thường: Tổng số là 82 giấy phép, trong đó có 52 giấy phép có hồ sơ phê duyệt lượng (Quyết định phê duyệt trữ lượng).

3.2. Số lượng các khu vực đã được UBND tỉnh cấp giấy phép khai thác: Tổng số 75 giấy phép khai thác đá làm VLXD thông thường. Trong đó: 03 giấy

phép chưa khai thác; 25 giấy phép đang khai thác; 01 giấy phép xin tạm dừng; 38 giấy phép kết thúc khai thác và đã dừng hoạt động; 05 giấy phép đã đóng cửa mỏ; 03 giấy phép đang làm thủ tục đóng cửa mỏ.

Sản phẩm khai thác đá của các đơn vị nêu trên chủ yếu cung cấp cho các dự án đầu tư xây dựng công trình quan trọng trong tỉnh. Ngoài ra cung cấp cho nhu cầu VLXD để cải tạo, xây dựng mới nhà ở phục vụ đời sống của nhân dân tỉnh Lào Cai.

3.3. Sản lượng khai thác đá làm VLXD thông thường thực tế trên địa bàn giai đoạn 2014-2016: Tổng sản lượng là 2.868.157 m³ đá; Trong đó năm 2014 là: 1.008.301m³; năm 2015 là 908.094m³; năm 2016 là; 951.762 m³

(Sản lượng khai thác đá của các giấy phép còn hiệu lực từ năm 2014 đến 2016 có phụ biểu số 04 kèm theo)

3.4. Tổng giá trị sản lượng ngành khai thác khoáng sản: Năm 2016 đã thực hiện nộp cho ngân sách nhà nước là: 896.151.634.177 đồng, trong đó:

- Thuế tài nguyên: 429.931.679.284 đồng;
- Thuế xuất khẩu (quặng sắt): 126.776.380.712 đồng;
- Phí bảo vệ môi trường: 132.955.178.304 đồng;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 44.423.146.838 đồng;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 162.065.249.039 đồng.

Riêng đối với giá trị sản lượng đá làm VLXD thông thường năm 2016 đã thực hiện nộp ngân sách nhà nước: 21.673.354.206 đồng, trong đó:

- Thuế tài nguyên: 8.871.077.027 đồng;
- Phí bảo vệ môi trường: 5.139.173.879 đồng;
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: 134.995.067 đồng;
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: 7.528.108.233 đồng.

Tổng số tiền ký quỹ phục hồi môi trường của các tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lào Cai là 75,9 tỷ đồng: Trong đó tổng số tiền ký quỹ phục hồi môi trường của các tổ chức cá nhân khai thác đá làm VLXD thông thường là 20,4 tỷ đồng.

4. Đánh giá và những kiến nghị, đề xuất

4.1. Đánh giá chung

Đối với các loại khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường: Tỉnh Lào Cai đã thường xuyên kiểm tra, rà soát để chấn chỉnh, hướng dẫn, yêu cầu hoàn thiện thủ tục và khắc phục những vấn đề còn tồn tại. Do đó, phần lớn các

mở hoạt động khai thác cơ bản tuân thủ các quy định về hồ sơ pháp lý, bảo đảm an toàn lao động, bảo vệ môi trường, đáp ứng được nhu cầu VLXD cho phát triển kinh tế, xã hội, tạo việc làm cho lao động, góp phần tăng nguồn thu ngân sách. Các đơn vị cơ bản đã thực hiện tốt các nghĩa vụ về việc: Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường theo quy định; khai thác đúng vị trí cho phép; cơ bản tuân thủ theo thiết kế mỏ đã được phê duyệt.

Hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản nói chung trong đó có khoáng sản đá làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh Lào Cai góp phần tạo việc làm cho trên 10.000 lao động; nguồn thu ngân sách từ hoạt động khai thác khoáng sản đạt bình quân khoáng 700 tỷ đồng, chiếm khoảng 20% tổng thu ngân sách nội địa của tỉnh.

4.2. Những tồn tại, bất cập, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì hoạt động khai thác đá làm VLXD thông thường cũng còn một số tồn tại, hạn chế: Các mỏ khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng thông thường được đầu tư với quy mô nhỏ, những nơi có mỏ lớn thì nhu cầu và thị trường tiêu thụ ít. Quy hoạch khoáng sản chưa xác định cụ thể vùng nguyên liệu, phạm vi, diện tích của mỏ, nhóm mỏ gắn với từng dự án khai thác, chế biến khoáng sản.

Một số mỏ khoáng sản (không phải là khoáng sản làm VLXD thông thường), nhưng trong quá trình khai thác có thể tận dụng đá thải của mỏ để làm VLXD thông thường những khoáng sản đá đi kèm khoáng sản chính có thể tận dụng mỏ không thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của tỉnh, như đá thải của mỏ quặng đồng, mỏ quặng apatit.

4.3. Đề xuất, kiến nghị:

Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương, đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường như sau:

- Đầu tư vốn điều tra, thăm dò địa chất khoáng sản đá vôi làm xi măng hoặc đá vôi có hàm lượng CaO phù hợp, trên cơ sở đó giao thẩm quyền cấp phép đối với các loại khoáng sản này cho UBND cấp tỉnh để khai thác và cung cấp nguyên liệu phục vụ luyện kim tại khu công nghiệp Tăng Loàng.

- Ủy quyền cho UBND cấp tỉnh xem xét, cho phép thu hồi khoáng sản là đất, đá làm VLXD thông thường (đất, đá thải của mỏ) đi kèm khoáng sản chính đối với các mỏ do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp giấy phép.

- Xem xét đề nghị sửa đổi Nghị định 203/2013/NĐ-CP về phương pháp, cách tính, xác định cụ thể giá tính tiền, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho phù hợp với thực tế; trong đó hướng dẫn cụ thể việc hoàn trả lại cho chủ giấy phép khi giấy phép hết hiệu lực mà không khai thác hết trữ lượng địa chất

khoáng sản đã thu tiền cấp quyền; nên thu tiền cấp quyền khai thác cùng với sản lượng khai thác kê khai nộp thuế tài nguyên khoáng sản.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường, Tổng cục Địa chất & Khoáng sản Việt Nam về tình hình quản lý hoạt động khai thác và sử dụng đá làm VLXD thông thường trên địa bàn tỉnh./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam;
- TT TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các Sở: TN&MT, XD, KH&ĐT, CT;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Lưu: VT, TH1, KT1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PH. CHỦ TỊCH**



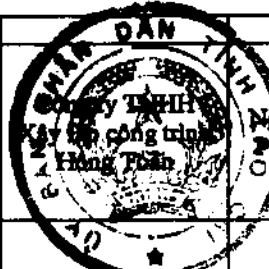
Lê Ngọc Hưng




DANH SÁCH CẤP GIẤY PHÉP THẨM DÒ, KHAI THÁC ĐÁ LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG
UBND TỈNH LÀO CAI CẤP PHÉP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2016
Kèm theo báo cáo số: 272 /BC-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Lào Cai

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Loại giấy phép	Tên, vị trí KV thăm dò/khai thác	Số/ ngày cấp	Cơ quan cấp	Trữ lượng được phép khai thác	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Thời hạn	Hiện trạng hoạt động	Mục đích sử dụng	Ghi chú
A. Giấy phép khai thác đá làm VLXD thông thường												
I. Huyện Bảo Thắng												
1	Công ty TM Lương Hà	Lô K3&K18 Khu TM CN Kim Thành, P. Duyên Hải, TP Lào Cai	Khai thác	xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng	419/QĐ-CT 04/3/2002; 1444/GP-UBND ngày 27/4/2017	UBND tỉnh Lào Cai	(Cấp 121: 740.106 m ³ ; Cấp 122: 1.466.466 m ³)	100.000	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXD TT	
2	Công ty CP ĐTXD và PTNL Phúc Khánh	Đốc K30, Nguyễn Huệ, Phường Phố Mới, TP. Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá thôn Sảng Pá (Tông Giã i cũ) Xã Phong Hải - H. Bảo Thắng	2456/QĐ-UBND 15/9/2005; 662/GP-UBND 23/3/2011; 3548/GP-UBND ngày 15/10/2015	UBND tỉnh Lào Cai	1.569.388m ³ (Khối 1-122: 756.158 m ³ ; Khối 2-122: 813.238 m ³)	25.000	05 năm (từ 01/10/2015)	Xin tạm dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
3	Công ty CP Phú Hà được cấp lại từ mỏ đá của Công ty TNHH khai thác má 573	Lô K3&K18 Khu TM CN Kim Thành, P. Duyên Hải, TP Lào Cai	Khai thác	Bản Cầm Xã Bản Cầm - H. Bảo Thắng	3282/QĐ-UBND 15/11/2006; 4678/GP-UBND 22/12/2015 (Từ 11/6/2015)	UBND tỉnh Lào Cai	1.768.535 m ³ (Cấp 121: 1.477.531 m ³ ; Cấp 122: 291.004 m ³)	200.000	07 năm	Đang khai thác	Làm VLXD TT	Cấp lại
4	DN TN Đức Mạnh	Ông Tô Văn Mạnh, Km 38 Bắc Ngần, xã Xuân Quang,	Khai thác	Mỏ đá thôn Cốc Sấm 3, xã Phong Niên, huyện	Số 2354/QĐ-UBND ngày 25/8/2008; 1488/GP-	UBND tỉnh Lào Cai		45.000 m ³ /năm	Đến hết ngày 09/7/2	Đang khai thác	Làm VLXD TT	Nhận CN từ Công ty CP than

		H. Bảo Thắng		Bảo Thắng	UBND ngày 28/5/2015				018			Sông Hồng
5	DNTN Thanh Liên	Số 010 Đường Hoàng Sào, P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	Khai thác	Điểm đá XD Tân Quang, xã Xuân Quang- BT	2394/GP-UBND 12/9/2013	UBND tỉnh Lào Cai	1.877.079m ³ (Cấp 121: 1.231.784 m ³ ; Cấp 122: 645.296 m ³)	45.000 m ³ /N	Đến hết 14/3/2026	Chưa khai thác	Làm VLXD TT	
6	DNTN Đức Hạnh (cấp cho Công ty Anh ninh trước đây)	012 Nguyễn Trung Trực - P. Cốc Lều 012 Nguyễn Trung Trực - P. Cốc Lều	Khai thác	Điểm đá XD thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang, H. Bảo Thắng	3530/GP-UBND 04/12/2013	UBND tỉnh Lào Cai	1.604.505m ³ (Cấp 121: 534.835 m ³ ; Cấp 122: 1.069.670 m ³)	70.000 m ³ /N	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXD TT	
7	Công ty TNHH XDTH Minh Đức	079 B, đường Quý Hoá, P. Kim Tân, TP Lào Cai	Khai thác	Bắc Ngâm xã Xuân Quang - H. Bảo Thắng	3706/QĐ-UBND 28/12/2007; 1015/GP-UBND ngày 08/4/2016	UBND tỉnh Lào Cai	2.696.000 m ³ (Khối 1-122: 483.000 m ³ ; Khối 2-122: 323.000 m ³ ; Khối 3-122: 682.000 m ³ ; Khối 4-122: 321.000 m ³ ; Khối 5-122: 887.000 m ³)	96.000	5 năm (từ 21/6/2015)	Đang khai thác	Làm VLXD TT	
8	Công ty TNHH Phúc Lộc Cường Thịnh Thi (Công ty CP ĐTXD và PT hạ tầng VINACONEX; Ngọc Lan chuyên nhượng)	Xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng:	Khai thác	Mỏ đá XD thôn Bản Cầm, xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng	1877/QĐ-CT 29/7/2005; 1512/QĐ-UBND 02/6/2009; 819/GP-UBND 07/4/2011; 1099/GP-UBND ngày 15/4/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.796.536 m ³ (Cấp 121: 1.613.858 m ³ ; Cấp 122: 182.678 m ³)	45.000 m ³ /năm	Đến hết 25/01/2019	Đang khai thác	Làm VLXD TT	
9	Công ty CP ĐT XD và TM Nam Tiến	157 đường Nhạc Sơn, P. Cốc Lều	Khai thác	Mỏ đá Bản Cầm, xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng	1229/GP-UBND 11/5/2010	UBND tỉnh Lào Cai	2.151.252 m ³ (Cấp 121: 463.096 m ³ ; Cấp 122: 1.688.155 m ³)	40.000	Đến hết năm 2020	Đang khai thác	Làm VLXD TT	
10	Công ty CP khai khoáng Minh Đức (vị trí này trước cấp cho cty XD Cầu)	079 B, đường Quý Hoá, P. Kim Tân, TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá XD thôn Nặm Tang, xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng	3461/QĐ-UBND 30/11/2006; 971/GP-UBND 17/4/2009; 630/GP-UBND 18/3/2011; 521/GP-UBND	UBND tỉnh Lào Cai	910.000 m ³ (Khối 1-122: 356.000 m ³ ; Khối 2-122: 554.000 m ³)	100.000 m ³ /N	2,5 năm	Đang khai thác	Làm VLXD TT	

					ngày 01/3/2016							
11	 Công ty TNHH Khai thác khoáng sản Hồng Phát	SN 163 Nguyễn Huệ - Phố Mới - Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá Bàn Cầm, xã Bàn Cầm, H. Bảo Thắng	2361/QĐ- UBND 03/8/2009; 2009/GP- UBND 19/7/2010	UBND tỉnh Lào Cai	3.898.944 m ² (Cấp 121: 2.589.944 m ² ; Cấp 122: 1.300.000 m ²)	5.000	Đến 30/9/2 009	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
12	Công ty TNHH MTV Hoàng Liên Thanh (Công ty Tây Bắc - Bộ Quốc phòng;)	Số nhà 595 đường Hoàng Liên	Khai thác	Mỏ đá XD thôn 1, TT Phong Hải, H. Bảo Thắng	4228/QĐ- UBND 10/12/2009; 2032/GP- UBND 15/8/2011; 3348/GP- UBND ngày 02/10/2015	UBND tỉnh Lào Cai	1.644.201 m ² (Cấp 121: 649.983 m ² ; Cấp 122: 994.221 m ²)	20.000	04 năm (từ 01/7/2 015)	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
13	Công ty TNHH MTV Thiên Thanh	Tổ 8, đại lộ Trần Hưng Đạo, P. Bắc Cường, TP Lào Cai	Khai thác	Thôn Toàng Già, TT Phong Hải, H. Bảo Thắng	1740/GP- UBND 11/7/2011; 70/GP- UBND ngày 12/01/2016	UBND tỉnh Lào Cai	2.319.259 m ² (Cấp 121: 548.792 m ² ; Cấp 122: 1.770.467 m ²)	40.000 m ² /N	10 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
14	Công ty TNHH An Trường Phú	081 Đường 4 E, P. Bắc Cường, TP. Lào Cai;	Khai thác	Mỏ đá XD thôn Bàn Lọt, xã Bàn Cầm, H. Bảo Thắng	1498/GP- UBND 04/6/2010	UBND tỉnh Lào Cai	836.763 m ² (Cấp 121: 455.641 m ² ; Cấp 122: 381.122 m ²)	30.000	Đến hết 2020	Đã trả lại GP ko hoạt động	Làm VLXDĐT	Trả lại giấy phép
15	Công ty QL&SCĐB 242	TT Phố Lu, H. Bảo Thắng	Khai thác	Cốc Sấm Xã Phong Niên - H. Bảo Thắng	2626/QĐ- UBND 05/10/2005	UBND tỉnh Lào Cai		30.000	5 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDĐT	
16	Công ty CP ĐT TM và XD Thăng Long-Lào Cai	006 Lê Hữu Trác - P. Kim Tân - Lào Cai	Khai thác	Thôn A Đông, TT Phong Hải, H. Bảo Thắng	478/GP- UBND 01/3/2010	UBND tỉnh Lào Cai	1.592.449 m ² (Cấp 121: 528.744 m ² ; Cấp 122: 1.063.705 m ²)	45.000	Đến hết 01/201 6	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDĐT	
17	Công ty CP xi măng - VINAFUJI	157 đường Nhạc Sơn, P. Cốc Lều (Công ty CP ĐT XD và TM Nam Tiến)	Khai thác	Mỏ đá thôn Cốc Sấm, xã Phong Niên, H. Bảo Thắng	306/GP- UBND 14/02/2011	UBND tỉnh Lào Cai		30.000	Đến hết T01/20 12	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDĐT	
18	Công ty CP thủy	SN:02 đường	Khai	Mỏ đá thôn	937/QĐ-	UBND	Cấp 122:	48.000	05 năm	Hết hạn	Làm	

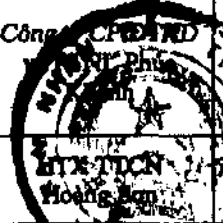
	điện Sông Đà- Hoàng Liên	Điện Biên Phủ, TT SaPa	thác	Cán Hồ, xã Phong Niên, huyện Bảo Thắng, T.Lào Cai	UBND 18/4/2008	tỉnh Lào Cai	7.020.635 m ³ +Khối 1-122: 2.882.352m ³ ; + Khối 2-122: 2.623.365 m ³ ; + Khối 3-122: 2.882.352 m ³ + Khối rìa ngoài cùng (đầu mút): 128.153 m ³ .	m ³ /năm		dừng hoạt động	VLXD TT	
19	Công ty CP vật liệu CAVICO Hạ tầng	Tầng 3, toà nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm-HN	Khai thác	Mỏ đá thôn Nậm Tang, xã Bản Cẩm, H. Bảo Thắng,	Số 3355/QĐ- UBND ngày 10/11/2008	UBND tỉnh Lào Cai		45.000 m ³ /năm	03 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
20	Công TNHH Phú Long	SN 148 Lý Công Uẩn, Kim Tân, Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá thôn Đo Trong, Móm Đào 2, xã Thái Niên, H. Bảo Thắng	Số 3356/QĐ- UBND ngày 10/11/2008	UBND tỉnh Lào Cai		45.000 m ³ /năm	03 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
21	Công ty TNHH Ngọc Thái Sơn	Nhà Ông Nguyễn Ngọc Dương Đường N10- B1, P. Bắc Cường, TP Lào Cai	Khai thác	Thôn Cung 3, X. Phong Niên, H. Bảo Thắng,	71/GP-UBND 09/01/2009	UBND tỉnh Lào Cai		45.000	05 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
22	Công ty CP LICOGI 14	2068, Hùng vương, TP. Việt Trì, T. Phụ Thọ.	Khai thác	Tân Hồ Xã Phong Niên - H. Bảo Thắng	3418/QĐ- UBND 28/11/2006; 1473/GP- UBND 15/6/2011	UBND tỉnh Lào Cai	2.579.847 m ³ (Cấp 121: 1.121.260 m ³ ; Cấp 122: 1.448.588 m ³)	30.000	2 N; 5 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
23	DN TN Đức Mạnh	Ông Tô Văn Mạnh, Km 38 Bắc Ngàn, xã Xuân Quang, H. Bảo Thắng	Khai thác	Cốc Sấm Xã Phong Niên - H. Bảo Thắng	3332/QĐ- UBND 06/12/2007; 1488/GP- UBND 28/5/2015	UBND tỉnh Lào Cai	3.085.268 m ³ (Cấp 121: 973.711 m ³ ; Cấp 122: 2.111.549 m ³)	10.000	2 năm; 2 năm	Đang yêu cầu đóng cửa mỏ	Làm VLXD TT	
24	Công ty TM Lương Hà	Lô K3&K18 Khu TM CN Kim Thành	Khai thác	Làng Vinh, xã Võ Lao, huyện Văn Bàn	3029/QĐ- UBND ngày 21/11/2005	UBND tỉnh Lào Cai		30.000	05 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	Thu hồi giấy phép
25	Công ty Xi măng	Phường Pom	Khai	Bản Cẩm	2680/QĐ-	UBND		5.000	02 năm	Hết hạn	Làm	

	Lào Cai	Hán, TP. Lào Cai	thác	Xã Bản Cầm - H. Bảo Thắng	UBND 19/10/2007	tỉnh Lào Cai				dùng hoạt động	VLXDĐT	
26		SN 54 Đường Nguyễn Sơn- TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá Nậm Tang, thôn Nậm Tang, xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng	Số 1896/QĐ-UBND ngày 09/7/2008; 771/GP-UBND 02/4/2013	UBND tỉnh Lào Cai	1.973.263 m ³ (Cấp 121: 222.634 m ³ ; Cấp 122: 1.750.629 m ³)	20.000 m ³ /năm	02 năm	Đã đóng cửa mỏ	Làm VLXDĐT	
	Phó Khánh											

II. Huyện Văn Bàn

1	HTX Xuân Thành	Bản Xuân Thành, Xã Khánh Yên Thượng, H. Văn Bàn	Khai thác	Vay Ú Xã Khánh Yên Thượng - H. Văn Bàn	1993/QĐ-UBND 31/7/2006; 3830/GP-UBND 24/12/2013	UBND tỉnh Lào Cai	540.802m ³ (Cấp 121: 540.802 m ³)	20.000	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
2	Công ty TNHH MTV Trung Anh nhận chuyển nhượng từ Công ty CP Phú Hà (DN Phú Xuyên)	Tầng 3-SN 175 Lý Công Uẩn-P Kim Tân-TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá thôn Làng Vinh, X. Võ Lao, H. Văn Bàn	35/QĐ-CT 11/01/2005; 831/QĐ-UBND 11/4/2007; 1340/GP-UBND 07/6/2012; 2838/GP-UBND ngày 20/6/2017	UBND tỉnh Lào Cai	3.009.479m ³ (Cấp 121: 956.694 m ³ ; Cấp 122: 2.052.785 m ³)	100.000	2 năm; 5 năm; Đến hết ngày 01/7/2022	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
3	Công ty CP XD giao thông 18 (Công ty TNHH Cát Khánh)	019 Hoàng Sào - P. Cốc Lếu - TP Lào Cai	Khai thác	Khe Bàn 2, xã Tân An, H. Văn Bàn	479/GP-UBND 01/3/2010; 3049/GP-UBND ngày 19/9/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.526.988 m ³ (Cấp 121: 691.540 m ³ ; Cấp 122: 835.448 m ³)	60.000	4,5 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
4	Công ty CP ĐT QT Sa Pa	SN 201 Đường 4 E, Tổ 3, P. Bắc Cường, TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá XD Tam Đỉnh, xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	1399/GP-UBND 28/5/2010; 3014/GP-UBND ngày 10/9/2015	UBND tỉnh Lào Cai	684.626m ³ (Cấp 121: 363.984 m ³ ; Cấp 122: 320.642 m ³)	45.000	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
5	Công ty CP XL và Vận tải Long Vũ	Số 309, đường Khánh Yên, phường Phố Mới - TP. Lào	Khai thác	Điểm đá thôn Nà Lọc, xã Khánh Yên Thượng,	295/GP-UBND ngày 29/01/2016	UBND tỉnh Lào Cai	810.243m ³ (Cấp 122: 810.243 m ³)	80.000	07 năm	Đang khai thác		

		Cai - T. Lào Cai		huyện Văn Bàn								
6	DN Sơn Trung	Thôn Loong Chai, Khánh Yên Văn Bàn	Khai thác	Điểm đá Pá Chiêu, thôn Loong Chai, xã Khánh Yên Trung, H. Bảo Yên	3829/GP-UBND 24/12/2013	UBND tỉnh Lào Cai	488.653m ³ (Cấp 121: 488.653 m ³)	15.000 m ³ /N	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDTT	
7	Công ty TNHH TMTH Thái Bảo	Số 098, đường Cốc Lều - P. Cốc Lều - TP Lào Cai	Khai thác	Điểm đá thôn Nà Lộc và khu vực Đán Đăm, xã Khánh Yên Thượng - H Văn Bàn	2912/GP-UBND ngày 06/9/2016		2.030.538m ³ (Cấp 122: 2.030.538 m ³)	50.000	17 năm	Đang khai thác		
8	Công ty TNHH XDTH Minh Đức	079 B, đường Quý Hoá, P. Kim Tân, TP Lào Cai	Khai thác	Thôn Ngẫu 1 xã Võ Lao - H. Văn Bàn	3704/QĐ-UBND 28/12/2007; 1514/GP-UBND 04/6/2010	UBND tỉnh Lào Cai	3.167.000 m ³ (Khối 1-122: 1.032.000 m ³ ; Khối 2-122: 673.000 m ³ ; Khối 3-122: 1.462.000 m ³);	10.000	2 năm; Đến 04/6/2020	Đã đóng cửa mỏ	Làm VLXDTT	
9	Công ty CP VLXD đường bộ 668	308/154 Phương Liệt, Q. Thanh Xuân - HN. CN Lào Cai: Đội 4 Minh Chiêng, xã Minh Lương - H. Văn Bàn	Khai thác	Má đá Khe Hồng, xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	817/GP-UBND 08/4/2010	UBND tỉnh Lào Cai	5.191.929m ³ (Cấp 121: 1.181.522 m ³ ; Cấp 122: 4.010.407 m ³)	48.000	Đến hết năm 2015	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDTT	
10	Công ty TNHH TMTH Văn Bàn	Tiểu khu 3B, TT Khánh Yên, H. Văn Bàn	Khai thác	Má đá XD thôn 6 Thác Dãy, xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	Số 3193/QĐ-UBND ngày 28/10/2008; 1676/GP-UBND 04/7/2011	UBND tỉnh Lào Cai	795.745 m ³ (Cấp 121: 511.536 m ³ ; Cấp 122: 284.209 m ³)	30.000 m ³ /N	Đến hết 16/2016	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDTT	
11	Công ty CP khai khoáng Minh Đức	079 B, đường Quý Hoá, P. Kim Tân, TP Lào Cai	Khai thác	Má đá thôn Khe Lách và thôn Thiện Phùng, xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	3705/QĐ-UBND 28/12/2007; 814/GP-UBND 07/4/2010	UBND tỉnh Lào Cai	8.500.000 m ³ (Cấp 122-mỏ thôn Khe Lách: 4.300.000 m ³ Cấp 122-mỏ thôn Thiện Phùng: 4.200.000 m ³)	200.000	Đến hết năm 2015	Đã đóng cửa mỏ	Làm VLXDTT	

12	 Công ty CP ĐĐT và Phát triển HSD	Dốc K30, Nguyễn Huệ, Phường Phố Mới, TP. Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá XD thôn Bè 2, xã Chiềng Ken, H. Văn Bàn	591/GP-UBND 15/3/2011	UBND tỉnh Lào Cai	543.498 m ³ (Cấp 121: 254.773 m ³ ; Cấp 122: 288.725 m ³)	20.000 m ³ /N	Đến hết 2015	Đang yêu cầu thực hiện đóng cửa mỏ	Làm VLXD TT	
13	HTX TĐCN Hoàng Sơn	Thị trấn Võ Cáp, H. Văn Bàn	Khai thác	Đạn Tóc Xã Võ Lao - H. Văn Bàn	2138/QĐ-UBND 05/9/2007	UBND tỉnh Lào Cai			03 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
14	Công ty Hoàng Sơn Lào Cai	151, Hoàng Liên, TP Lào Cai	Khai thác	Đội 5 Xã Sơn Thủy - H. Văn Bàn	2256/QĐ-UBND 21/8/2006	UBND tỉnh Lào Cai		40.000	2 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
15	HTX SX VLXD Hải Hưng	Xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	Khai thác	Sơn Thủy Xã Sơn Thủy - H. Văn Bàn	1744/QĐ-UBND 30/6/2006	UBND tỉnh Lào Cai		2.000	2 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
16	HTX Quyết Chiến	Xã Khánh Yên Trung, H. Văn Bàn	Khai thác	Ken 1 Xã Chiềng Ken - H. Văn Bàn	1996/QĐ-UBND 31/7/2006	UBND tỉnh Lào Cai		2.000	2 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
17	HTX SX VLXD Chiến Bình	Xã Khánh Yên Hạ, H. Văn Bàn	Khai thác	Khau Khăm Xã Khánh Yên Hạ - H. Văn Bàn	1995/QĐ-UBND 31/7/2006	UBND tỉnh Lào Cai		2.000	2 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
18	Công ty ĐTXD Quyết Tiến	152 Nhạc Sơn, Kim Tân, TP. Lào Cai	Khai thác	Pom Khén Xã Minh Lương - H. Văn Bàn	963/QĐ-UBND 02/5/2007	UBND tỉnh Lào Cai		10.000	2 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
19	Công ty CP ĐĐT và Phát triển HSD	385A đường Khánh Yên, Phố Mới, Thành Phố Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá Thôn 5 Khe Phàn, Xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	518/GP-UBND 11/3/2009	UBND tỉnh Lào Cai		40.000	02 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
20	HTX tổng hợp Khánh Yên	Số 76, Tiểu khu 4, TT Khánh Yên, H. Văn Bàn	Khai thác	Thái Hoà, xã Hoà Mạc - H. Văn Bàn	2309/QĐ-UBND 12/7/2005; 2390/QĐ-UBND ngày 29/8/2008	UBND tỉnh Lào Cai		2.000	3 năm; 02 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	

III. Huyện Sa Pa

1	Công ty TNHH MTV Kim Tuyến (vị trí Cty Hùng Cường)	SN 024 Lê Quý Đôn, P. Cốc Lếu, TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá XD số 12, k4+500, TT SaPa, H. SaPa	2417/QĐ-UBND 06/9/2006; 793/GP-	UBND tỉnh Lào Cai	1.120.032 m ³ (Cấp 121: 967.640 m ³ ; Cấp 122:)	30.000 m ³ /N	Từ T4/2011 đến hết	Đã đóng cửa mỏ	Làm VLXD TT	Cấp lại
---	--	---	-----------	--	---------------------------------------	-------------------	---	--------------------------	--------------------	----------------	-------------	---------

					UBND 05/4/2011		152.392 m ³)		T12/20 15			
2	Công ty CP ĐT XD và PT NL Phúc Khánh	Số 001 Nguyễn Huệ (Độc K30) - P. Phố Mới, TP. Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá Ô Quý Hồ, tổ 13-TT SaPa, huyện SaPa, tỉnh Lào Cai.	Số 1347/QĐ- UBND ngày 23/5/2008	UBND tỉnh Lào Cai		20.000 m ³ /năm	02 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDTT	
3	Công ty TNHH Xây lắp Cường Lĩnh	SN 01, đường Cao Sơn, phường Kim Tân, TP. Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá Ô Quý Hồ, TT Sa Pa, H. Sa Pa	2582/QĐ- UBND 20/8/2009	UBND tỉnh Lào Cai	516.498 m ³ (Cấp 121: 163.285 m ³ ; Cấp 122: 353.213 m ³)	30.000	Đến 30/11/ 2009	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDTT	

IV. Huyện Mường Khương

1	DN Khước Tĩnh	Thôn Nà Mạ, X. Bản Lầu, H. Mường Khương	Khai thác	Lùng Tao Xã Bản Lầu - H. Mường Khương	3891/QĐ- UBND 28/12/2006; 1337/GP- UBND 04/6/2013	UBND tỉnh Lào Cai	219.003 m ³ (Cấp 121: 219.003 m ³)	10.000	04 năm; 08 năm	Chưa khai thác	Làm VLXDTT	
2	Công ty TNHH Quang Hưng	Nhà Bà Vương Kim Hương, Phố Cũ - TT Mường Khương, H. MK	Khai thác	mỏ đá Nà Pù Sáo, thôn Na Khuy, thị trấn Mường Khương	526/GP- UBND ngày 20/02/2017; QĐ điều chỉnh ranh giới, DT và trữ lượng số 3229/QĐ- UBND ngày 03/10/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.475.991 m ³ (Cấp 121: 627.416 m ³ ; Cấp 122: 848.575 m ³) và Cấp 122: 536.090 m ³	20.000	10 năm	Đang khai thác		
3	Công ty TNHH Đồng Hải	174 Điện Biên - TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá XD Mĩ Tuyên, X. Mường Khương, H. Mường Khương	1505/GP- UBND 04/6/2010	UBND tỉnh Lào Cai	1.056.391 m ³ (Cấp 121: 281.725,5 m ³ ; Cấp 122: 774.665,5 m ³)	35.000	Đến hết 2020	Đang khai thác	Làm VLXDTT	
4	Công ty TNHH MTV Hưng Phát	SN 160, thôn Mĩ Tuyên, Xã Mường Khương, H. Mường Khương	Khai thác	Mỏ đá thôn Mĩ Tuyên, Xã Mường Khương, H. Mường Khương	2522/GP- UBND 10/9/2010	UBND tỉnh Lào Cai	700.700 m ³ (Cấp 121: 361.551 m ³ ; Cấp 122: 339.148 m ³)	30.000	11 năm	Đang khai thác	Làm VLXDTT	
5	Công ty TNHH Anh Nguyễn	011 Đường Ngọc Uyên TT	Khai thác	Mỏ đá thôn Bản Làn, xã	3173/GP- UBND	UBND tỉnh Lào	1.194.238 m ³ (Cấp 121:	30.000	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDTT	

	(Công ty TNHH XNK và Thương mại Bắc Hà - H. Bắc Hà)			Làng Vai, H. Mường Khương	08/11/2010	Cai	552.236 m ² ; Cấp 122: 642.002 m ²)					
6	Công ty TNHH Quang Hưng	Thôn Phố cũ, xã Mường Khương, huyện MK	Khai thác	Mỏ Km2, thôn Mã Tuyền, xã Mường Khương, huyện Mường Khương	190/QĐ-UBND 21/01/2008	UBND tỉnh Lào Cai		10.000 m ³ /năm	02 năm	Đã đóng cửa mỏ	Làm VLXDTT	
7	Công ty TNHH Quang Hưng	Nhà Bà Vương Kim Hương, Phố Cũ - TT Mường Khương, H. MK	Khai thác	Mã Tuyền Thôn Mã Tuyền, H. Mường khương	1521/QĐ-UBND 29/6/2007;	UBND tỉnh Lào Cai		10.000	5 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDTT	
8	Cty TNHH TMTH Thịnh Thành	Xã Mường Khương, H. Mường Khương	Khai thác	Mã Tuyền xã Mường Khương - H. Mường Khương	1493/QĐ-UBND 12/6/2006; 796/GP-UBND ngày 08/4/2009	UBND tỉnh Lào Cai		10.000	2 năm; 02 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDTT	

V. Thành phố Lào Cai

1	HTX SX VLXD Thống Nhất	Thôn Tả Phời 3, xã Tả Phời, TP. Lào Cai	Khai thác	Đá Đỉnh 4 Xã Tả Phời - TP. Lào Cai	3462/QĐ-UBND 30/11/2006	UBND tỉnh Lào Cai		10.000	4 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDTT	
2	TT chữa bệnh giáo dục LDXH TP Lào Cai	Thôn Đá Đỉnh xã Tả Phời, TP. Lào Cai	Khai thác	Đá Đỉnh Xã Tả Phời - TP. Lào Cai	3266/QĐ-UBND 14/12/2005	UBND tỉnh Lào Cai		10.000	Đến 21/11/2013	Hết hạn dừng hoạt động		
3	HTX SX VLXD Kim Thành (mỏ đá Làng Nhón trước đây cấp cho Cty Xi Măng), HTX Minh Lương	Ông Nguyễn Thanh Sơn, P. Bắc Lệnh, TP. Lào Cai	Khai thác	Làng Nhón I Xã Cam Đường - TP. Lào Cai	409/QĐ-UBND 21/02/2006	UBND tỉnh Lào Cai		30.000	3 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDTT	

VI. Huyện Bắc Hà

1	Công ty TNHH Anh Nguyễn (Tiến Huy)	011 Đường Ngọc Uyển TT Bắc Hà - H. Bắc Hà	Khai thác	Mỏ đá Tả Hồ, xã Tả Chải, H Bắc Hà	171/QĐ-UBND 19/01/2006; 2021/GP-UBND	UBND tỉnh Lào Cai	684.695 m ³ (Cấp 121: 272.421 m ³ ; Cấp 122: 412.274 m ³)	30.000; 45.000	3 năm; Đến hết T11/2025	Đang khai thác	Làm VLXDTT	Cấp lại
---	------------------------------------	---	-----------	-----------------------------------	--------------------------------------	-------------------	---	----------------	-------------------------	----------------	------------	---------

					16/8/2012							
2	Công ty TNHH Cao Hà	Thôn Bắc Hà 3, TT Bắc Hà - H. Bắc Hà	Khai thác	Hoà Sư Pán Xã Na Hối - H. Bắc Hà	3892/QĐ-UBND 28/12/2006; 4585/GP-UBND ngày 20/12/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.164.049 m ³ (Cấp 121: 744.446 m ³ ; Cấp 122: 419.603 m ³)	45.000	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
3	Công ty TNHH MTV XD 189	Nhà ông Nguyễn Văn Bản, thôn Khởi Bung, xã Bảo Nhai - BH	Khai thác	đá quazit hàm lượng thấp làm VLXD thông thường thôn Bản Mẹt Ngoài, xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà	2352/GP-UBND 29/7/2015	UBND tỉnh Lào Cai	914.139 m ³ (Cấp 121: 821.393 m ³ ; Cấp 122: 92.747 m ³) SiO ₂ <85% m ³ = 847.407; SiO ₂ ≥85% = 66.912 m ³ .	35.000	10 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
4	Công ty TNHH Cao Hà	Thôn Bắc Hà 3, TT Bắc Hà - H. Bắc Hà	Khai thác	Chiu Cái Xã Na Hối - H. Bắc Hà	1067/QĐ-UBND 14/5/2007	UBND tỉnh Lào Cai		10.000	4 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDĐT	
5	HTX Xuân Hùng	Thôn Bắc Hà 2, TT. Bắc Hà - H. Bắc Hà	Khai thác	Na Hồ xã Tà Chải, Bắc Hà	165/QĐ-UBND 03/12/2007; 3846/GP-UBND 29/12/2010	UBND tỉnh Lào Cai	230.045 m ³ (Cấp 121: 124.598 m ³ ; Cấp 122: 105.447 m ³)	30.000	2 năm; 02 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDĐT	
6	Công ty TNHH Tân Thanh	053, đường Phan Đình Phùng, TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá Bản Phố 1, xã Bản Phố - H. Bắc Hà	2042/QĐ-UBND 01/8/2006	UBND tỉnh Lào Cai		5.000	2 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDĐT	
7	Công ty TNHH Tân Thanh	053, đường Phan Đình Phùng, TP Lào Cai		Hà Tiên Xã Cốc Lầu - H. Bắc Hà	2041/QĐ-UBND 01/8/2006	UBND tỉnh Lào Cai	325.744 m ³ (Cấp 122: 325.744 m ³) Trong đó có 321.408 m ³ có thể huy động để KT	30.000	2 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDĐT	

VII. Huyện Bát Xát

1	Công ty CP khai khoáng Minh Đức	079 B, đường Quý Hoà, P. Kim Tân, TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá thôn Tùng Sáng, xã Amusung, H. Bát Xát	Số 3263/QĐ-UBND ngày 04/11/2008	UBND tỉnh Lào Cai		45.000 m ³ /năm	03 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXDĐT	
2	Doanh nghiệp TN Đức Hạnh (Công	012 Nguyễn Trung Trực -	Khai thác	Mỏ đá Thôn An Sơn, xã	324/QĐ-CT 28/3/2005;	UBND tỉnh Lào	856.865 m ³ (Cấp 121: 299.200 m ³ ;	15.000 m ³ /năm	Đến hết	Đang yêu cầu thực	Làm VLXDĐT	

	ty CP Công ty Cổ phần GT Cốc Lều Nguyễn Trực - Đu			Cốc San, huyện Bát Xát	1840/QĐ- UBND ngày 03/7/2008; 1741/GP- UBND 11/7/2011	Cai	Cấp 122: 557.665 m ²)		T6/201 6	hiện đóng cửa mỏ		
3	Công ty TNHH năng lượng Nam Á	103 P.Bắc Cường, TP Lào Cai	Khai thác	Đá Mường Hum, xã Mường Hum, huyện Bát Xát	2014/QĐ- UBND ngày 22/8/2007	UBND tỉnh Lào Cai		30.000	03 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
4	Công ty TNHH XDTM Thái Bình Minh	093 Nguyễn Du, Kim Tân - Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá Tông Sành, xã Cốc San, huyện Bát Xát	2862/QĐ- UBND ngày 11/10/2006	UBND tỉnh Lào Cai		10.000 m ³ /năm	04 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	Gồm 02 khu vực

XIII. Huyện Bảo Yên

1	Công ty TNHH KS và LK Việt Trung (DN Minh Quân; Công ty Việt Bắc)	Đại Lộ Trần Hung Đạo, phường Bắc Cường	Khai thác	Mai Đào Xã Thượng Hà - H. Bảo Yên	3100/QĐ- UBND 28/11/2005; 989/QĐ-UBND 24/4/2008; 1522/GP- UBND 21/6/2011; 1788/GP- UBND ngày 25/5/2017	UBND tỉnh Lào Cai	1.193.503 m ³ (Cấp 121: 887.934 m ³ ; Cấp 122: 305.569 m ³ ; Có 143.579 m ³ làm nguyên liệu trợ dung trong LK) và 455.000 m ³ (Cấp 121: 455.000 m ³)	45.000	7 năm	Đang khai thác	Làm VLXD TT	
2	Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	Nhà Ông Phan Duy Tuấn, thôn Phú Thành 3, TT Phổ Lu, H Thắng	Khai thác	Điểm đá Bàn Mỏ Đá, xã Tân Dương, H Bảo Yên	151/GP- UBND ngày 19/01/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.416.760m ³ (Cấp 122: 1.416.760 m ³)	20.000	15 năm	Đang khai thác	Làm VLXD TT	
3	Công ty TNHH Tùng Hương	SN 53, Khu 4, TT Phố Ràng, H. Bảo Yên	Khai thác	Bản mỏ đá Xã Tân Dương - H. Bảo Yên	2815/QĐ- UBND 09/10/2006	UBND tỉnh Lào Cai	214.070m ³ (Cấp 121: 15.706 m ³ ; Cấp 122: 198.364 m ³)	10.000	2 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	
4	Danh nghiệp minh Quần	026, phường Duyên Hải, TP Lào Cai	Khai thác	Điểm đá Bàn Bát (Bon 4), xã Yên Sơn	359/QĐ- UBND ngày 14/02/2006	UBND tỉnh Lào Cai		30.000	03 năm	Hết hạn dừng hoạt động	Làm VLXD TT	

B. giấy phép thăm dò đá làm VLXD thông thường

I. Huyện Bảo Thắng												
1	Công ty TM Lương Hà	Lô K3&K18 Khu TM CN Kim Thành	Thăm dò	xã Bán Cẩm, H. Bảo Thắng	4809/GP-UBND 30/12/2016 (GP thăm dò)	UBND tỉnh Lào Cai	Cấp 122: 2.862.145 m ³				Đang làm thủ tục cấp phép	Làm VLXDTT
2	DNTN Thanh Liên	Số 010 Đường Hoàng Sào, P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	Thăm dò	Mỏ đá Nậm Tang 1, xã Bán Cẩm, huyện Bảo Thắng	3171/GP-UBND ngày 08/11/2010	UBND tỉnh Lào Cai	121: 545.229 m ³ ; Cấp 122: 1.044.868 m ³		03 tháng		Không làm thủ tục cấp phép	Làm VLXDTT
3	Công ty CP Thương Mại Minh Long	Số 271 Đường Hồng Hà, P. Cốc Lều, TP. Lào Cai;	Thăm dò	Mỏ đá Nậm Tang 2, xã Bán Cẩm, huyện Bảo Thắng	3256/GP-UBND ngày 16/11/2010	UBND tỉnh Lào Cai	1.531.365m ³ (Cấp 121: 379.303 m ³ ; Cấp 122: 1.152.062 m ³)		03 tháng		Không thực hiện làm thủ tục cấp phép	Làm VLXDTT
4	Công ty CP ĐTXD và PTNL Phúc Khánh	Độc K30, Nguyễn Huệ, Phường Phố Mới, TP. Lào Cai	Thăm dò	Mỏ đá Sàng Pả, TT Phong Hải, H. Bảo Thắng.	3013/GP-UBND 10/9/2015	UBND tỉnh Lào Cai	1.569.388m ³ (Khối 1-122: 756.158 m ³ ; Khối 2-122: 813.230 m ³)		03 tháng		Đang làm thủ tục cấp phép	Làm VLXDTT
II. Huyện Si Ma Cai												
1	H TX Bán Mố	Thôn Phố Cũ, xã Si Ma Cai	Thăm dò	Mỏ đá Phố Cũ, xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai	2014/QĐ-UBND 18/8/2005	UBND tỉnh Lào Cai	195.696 m ³ (Cấp 121: 195.646 m ³)		03 tháng		Không thực hiện làm thủ tục cấp phép	Làm VLXDTT
2	Hợp tác xã Vạn Lược	Phố Mới, xã Si Ma Cai, H. Si Ma Cai	Thăm dò	Mỏ đá Phố Cũ, xã Si Ma Cai, H. Si Ma Cai	3172/GP-UBND ngày 08/11/2010	UBND tỉnh Lào Cai	1.054.783m ³ (Cấp 121: 238.266 m ³ ; Cấp 122: 816.517 m ³)		03 tháng		Kết thúc thăm dò, không thực hiện các bước tiếp theo	Làm VLXDTT
III. Huyện Bảo Yên												
1	HTX chế biến lâm sản Thống Nhất	xã Xuân Thượng, H. Bảo Yên	Thăm dò	Điểm mỏ đá Bán 2B Là, xã Xuân Thượng, H. Bảo Yên	1454/GP-UBND ngày 14/6/2011	UBND tỉnh Lào Cai			03 tháng		Đang làm thủ tục cấp phép	Làm VLXDTT
Tổng: 82 giấy phép												

KLV



**ANH SÁCH GIẤY PHÉP KHAI THÁC ĐÁ LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG DO UBND TỈNH LÀO CAI
CẤP PHÉP CÒN HIỆU LỰC TÍNH ĐẾN HẾT NĂM 2016**

Sưu theo báo cáo số: 22/BC-UBND ngày 19 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Lào Cai

TT	Tên tổ chức, cá nhân	Địa chỉ	Loại giấy phép	Tên, vị trí KV thăm dò/khai thác	Số/ ngày cấp	Cơ quan cấp	Trữ lượng được phép khai thác	Công suất khai thác (m ³ /năm)	Thời hạn	Hiện trạng hoạt động	Mục đích sử dụng	Ghi chú
I. Huyện Bảo Thắng												
1	Công ty TM Lương Hà	Lô K3&K18 Khu TM CN Kim Thành, P. Duyên Hải, TP Lào Cai	Khai thác	xã Bàn Cẩm, H. Bảo Thắng	419/QĐ-CT 04/3/2002; 1444/GP-UBND ngày 27/4/2017	UBND tỉnh Lào Cai	(Cấp 121: 740.106 m ³ ; Cấp 122: 1.466.466 m ³)	100.000	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
2	Công ty CP ĐTXD và PTNL Phúc Khánh	Độc K30, Nguyễn Huệ, Phường Phố Mới, TP. Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá thôn Sảng Pả (Tông Già 1 cũ) Xã Phong Hải - H. Bảo Thắng	2456/QĐ-UBND 15/9/2005; 662/GP-UBND 23/3/2011; 3548/GP-UBND ngày 15/10/2015	UBND tỉnh Lào Cai	1.569.388 m ³ (Khối 1-122: 756.158 m ³ ; Khối 2-122: 813.230 m ³)	25.000	05 năm (từ 01/10/2015)	Xin tạm dừng hoạt động	Làm VLXDĐT	
3	Công ty CP Phú Hà được cấp lại từ mỏ đá của Công ty TNHH khai thác mỏ 573	Lô K3&K18 Khu TM CN Kim Thành, P. Duyên Hải, TP Lào Cai	Khai thác	Bản Cẩm Xã Bàn Cẩm - H. Bảo Thắng	3282/QĐ-UBND 15/11/2006; 4678/GP-UBND 22/12/2015 (Từ 11/6/2015)	UBND tỉnh Lào Cai	1.768.535 m ³ (Cấp 121: 1.477.531 m ³ ; Cấp 122: 291.004 m ³)	200.000	07 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	Cấp lại
4	DN TN Đức Mạnh	Ông Tô Văn Mạnh, Km 38 Bắc Ngần, xã Xuân Quang,	Khai thác	Mỏ đá thôn Cốc Sấm 3, xã Phong Niên, huyện	Số 2354/QĐ-UBND ngày 25/8/2008; 1488/GP-	UBND tỉnh Lào Cai		45.000 m ³ /năm	Đến hết ngày 09/7/2018	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	Nhận CN từ Công ty CP than Sông

		H. Bảo Thắng		Bảo Thắng	UBND ngày 28/5/2015							Hồng
5	DNTN Thanh Liên	Số 010 Đường Hoàng Sào, P. Duyên Hải, TP. Lào Cai	Khai thác	Điểm đá XD Tân Quang, xã Xuân Quang- BT	2394/GP-UBND 12/9/2013	UBND tỉnh Lào Cai	1.877.079m ³ (Cấp 121: 1.231.784 m ³ ; Cấp 122: 645.296 m ³)	45.000 m ³ /N	Đến hết 14/3/2026	Chưa hoạt động	Làm VLXDTT	
6	DNTN Đức Hạnh (cấp cho Công ty Anh ninh trước đây)	012 Nguyễn Trung Trực - P. Cốc Lều 012 Nguyễn Trung Trực - P. Cốc Lều	Khai thác	Điểm đá XD thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang, H. Bảo Thắng	3530/GP-UBND 04/12/2013	UBND tỉnh Lào Cai	1.604.505m ³ (Cấp 121: 534.835 m ³ ; Cấp 122: 1.069.670 m ³)	70.000 m ³ /N	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDTT	
7	Công ty TNHH XDTH Minh Đức	079 B, đường Quý Hoá, P. Kim Tân, TP Lào Cai	Khai thác	Bắc Ngâm xã Xuân Quang - H. Bảo Thắng	3706/QĐ-UBND 28/12/2007; 1015/GP-UBND ngày 08/4/2016	UBND tỉnh Lào Cai	2.696.000 m ³ (Khối 1-122: 483.000 m ³ ; Khối 2-122: 323.000 m ³ ; Khối 3-122: 682.000 m ³ ; Khối 4-122: 321.000 m ³ ; Khối 5-122: 887.000 m ³)	96.000	5 năm (từ 21/6/2015)	Đang khai thác	Làm VLXDTT	S trả lại: 2,9 S còn lại: 3,3 ha (QĐ trả lại 1 phần S số: 3573/GP-UBND 17/11/2014)
8	Công ty TNHH Phúc Lộc Cường Thịnh Thi (Công ty CP ĐTXD và PT hạ tầng VINACONEX; Ngọc Lan chuyên nhượng)	Xã Bán Cẩm, H. Bảo Thắng:	Khai thác	Mỏ đá XD thôn Bán Cẩm, xã Bán Cẩm, H. Bảo Thắng	1877/QĐ-CT 29/7/2005; 1512/QĐ-UBND 02/6/2009; 819/GP-UBND 07/4/2011; 1099/GP-UBND ngày 15/4/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.796.536 m ³ (Cấp 121: 1.613.858 m ³ ; Cấp 122: 182.678 m ³)	45.000 m ³ /năm	Đến hết 25/01/2019	Đang dừng hoạt động	Làm VLXDTT	
9	Công ty CP ĐT XD và TM Nam Tiến	157 đường Nhạc Sơn, P. Cốc Lều	Khai thác	Mỏ đá Bán Cẩm, xã Bán Cẩm, H. Bảo Thắng	1229/GP-UBND 11/5/2010	UBND tỉnh Lào Cai	2.151.252 m ³ (Cấp 121: 463.096 m ³ ; Cấp 122: 1.688.155 m ³)	40.000	Đến hết năm 2020	Đang khai thác	Làm VLXDTT	TLEC: 1.844.444 m ³ ; TLKT: 1.660.000 m ³ (VB điều chỉnh: 1886/UBND-CN ngày 26/5/2014)

10	Công ty TNHH khoáng sản Lào Cai (vị trí địa điểm cấp cho thuê)	Đường Nguyễn Huệ, P. Kim Tân, TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá XD thôn Nậm Tang, xã Bản Cẩm, H. Bảo Thắng	3461/QĐ-UBND 30/11/2006; 971/GP-UBND 17/4/2009; 630/GP-UBND 18/3/2011; 521/GP-UBND ngày 01/3/2016	UBND tỉnh Lào Cai	910.000 m ³ (Khối 1-122: 356.000 m ³ ; Khối 2-122: 554.000 m ³)	100.000 m ³ /N	2,5 năm	Đang hoạt động	Làm VLXDĐT
11	Công ty TNHH Xây lắp công trình Hồng Toán	SN 163 Nguyễn Huệ - P. Phố Mới - Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá Bàn Cẩm, xã Bàn Cẩm, H. Bảo Thắng	2361/QĐ-UBND 03/8/2009; 2009/GP-UBND 19/7/2010	UBND tỉnh Lào Cai	3.898.944 m ³ (Cấp 121: 2.589.944 m ³ ; Cấp 122: 1.300.000 m ³)	5.000	Đến 30/9/2009	Đang khai thác	Làm VLXDĐT
12	Công ty TNHH MTV Hoàng Liên Thanh (Công ty Tây Bắc - Bộ Quốc phòng;)	Số nhà 595 đường Hoàng Liên	Khai thác	Mỏ đá XD thôn 1, TT Phong Hải, H. Bảo Thắng	4228/QĐ-UBND 10/12/2009; 2032/GP-UBND 15/8/2011; 3348/GP-UBND ngày 02/10/2015	UBND tỉnh Lào Cai	1.644.201 m ³ (Cấp 121: 649.983 m ³ ; Cấp 122: 994.221 m ³)	20.000	04 năm (từ 01/7/2015)	Đang khai thác	Làm VLXDĐT
13	Công ty TNHH MTV Thiên Thanh	Tổ 8, đại lộ Trần Hưng Đạo, P. Bắc Cường, TP Lào Cai	Khai thác	Thôn Toàng Già, TT Phong Hải, H. Bảo Thắng	1740/GP-UBND 11/7/2011; 70/GP-UBND ngày 12/01/2016	UBND tỉnh Lào Cai	2.319.259 m ³ (Cấp 121: 548.792 m ³ ; Cấp 122: 1.770.467 m ³)	40.000 m ³ /N	10 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT

II. Huyện Văn Bàn

1	HTX Xuân Thành	Bản Xuân Thành, Xã Khánh Yên Thượng, H. Văn Bàn	Khai thác	Vայ Ứ Xã Khánh Yên Thượng - H. Văn Bàn	1993/QĐ-UBND 31/7/2006; 3830/GP-UBND 24/12/2013	UBND tỉnh Lào Cai	540.802m ³ (Cấp 121: 540.802 m ³)	20.000	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT
2	Công ty TNHH MTV Trung Anh nhận chuyển nhượng từ Công ty CP Phú Hà (DN Phú Hà)	Tầng 3-SN 175 Lý Công Uẩn-P Kim Tân-TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá thôn Làng Vinh, X. Võ Lao, H. Văn Bàn	35/QĐ-CT 11/01/2005; 831/QĐ-UBND 11/4/2007;	UBND tỉnh Lào Cai	3.009.479m ³ (Cấp 121: 956.694 m ³ ; Cấp 122: 2.052.785 m ³)	100.000	2 năm; 5 năm; Đến hết ngày 01/7/2022	Đang khai thác	Làm VLXDĐT

	Xuyên)				1340/GP-UBND 07/6/2012; 2838/GP-UBND ngày 20/6/2017							
3	Công ty CP XD giao thông 18 (Công ty TNHH Cát Khánh)	019 Hoàng Sào - P. Cốc Lều - TP Lào Cai	Khai thác	Khe Bàn 2, xã Tân An, H. Văn Bàn	479/GP- UBND 01/3/2010; 3049/GP- UBND ngày 19/9/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.526.988 m ³ (Cấp 121: 691.540 m ³ ; Cấp 122: 835.448 m ³)	60.000	4,5 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
4	Công ty CP ĐT QT Sa Pa	SN 201 Đường 4 B, Tổ 3, P. Bắc Cường, TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá XD Tam Đỉnh, xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	1399/GP- UBND 28/5/2010; 3014/GP- UBND ngày 10/9/2015	UBND tỉnh Lào Cai	684.626m ³ (Cấp 121: 363.984 m ³ ; Cấp 122: 320.642 m ³)	45.000	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
5	Công ty CP XL và Vận tải Long Vũ	Số 309, đường Khánh Yên, phường Phố Mới - TP. Lào Cai - T. Lào Cai	Khai thác	Điểm đá thôn Nà Lộc, xã Khánh Yên Thượng, huyện Văn Bàn	295/GP- UBND ngày 29/01/2016	UBND tỉnh Lào Cai	810.243m ³ (Cấp 122: 810.243 m ³)	80.000	07 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
6	DN Sơn Trung	Thôn Loong Chai, Khánh Yên Trung, Văn Bàn	Khai thác	Điểm đá Pá Chiêu, thôn Loong Chai, xã Khánh Yên Trung, H. Bảo Yên	3829/GP- UBND 24/12/2013	UBND tỉnh Lào Cai	488.653m ³ (Cấp 121: 488.653 m ³)	15.000 m ³ /năm	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
7	Công ty TNHH TMTH Thái Bảo	Số 098, đường Cốc Lều - P. Cốc Lều - TP Lào Cai	Khai thác	Điểm đá thôn Nà Lộc và khu vực Đán Đăm, xã Khánh Yên Thượng - H Văn Bàn	2912/GP- UBND ngày 06/9/2016		2.030.538m ³ (Cấp 122: 2.030.538 m ³)	50.000	17 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
III. Huyện Mường Khương												

1	DN K	Thôn Nà Mạ, Xã Bản Lầu, H. Mường Khương	Khai thác	Lũng Tao Xã Bản Lầu - H. Mường Khương	3891/QĐ- UBND 28/12/2006; 1337/GP- UBND 04/6/2013	UBND tỉnh Lào Cai	219.003 m ³ (Cấp 121: 219.003 m ³)	10.000	04 năm; 08 năm	Chưa hoạt động	Làm VLXDĐT	
2	Công ty TNHH Quang Hưng	Nhà B. Vương Km Hương, Phố Cũ - TT Mường Khương, H. MK	Khai thác	mỏ đá Na Pù Sáo, thôn Na Khuy, thị trấn Mường Khương	526/GP- UBND ngày 20/02/2017; QĐ điều chỉnh ranh giới, DT và trữ lượng số 3229/QĐ- UBND ngày 03/10/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.475.991m ³ (Cấp 121: 627.416 m ³ ; Cấp 122: 848.575 m ³) và Cấp 122: 536.090 m ³	20.000	10 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
3	Công ty TNHH Đồng Hải	174 Điện Biên - TP Lào Cai	Khai thác	Mỏ đá XD Mã Tuyên, X. Mường Khương, H. Mường Khương	1505/GP- UBND 04/6/2010	UBND tỉnh Lào Cai	1.056.391 m ³ (Cấp 121: 281.725,5 m ³ ; Cấp 122: 774.665,5 m ³)	35.000	Đến hết 2020	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
4	Công ty TNHH MTV Hưng Phát	SN 160, thôn Mã Tuyên, Xã Mường Khương, H. Mường Khương	Khai thác	Mỏ đá thôn Mã Tuyên, Xã Mường Khương, H. Mường Khương	2522/GP- UBND 10/9/2010	UBND tỉnh Lào Cai	700.700 m ³ (Cấp 121: 361.551 m ³ ; Cấp 122: 339.148 m ³)	30.000	11 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	

IV. Huyện Bắc Hà

1	Công ty TNHH Anh Nguyễn (Tiến Huy)	011 Đường Ngọc Uyên TT Bắc Hà - H, Bắc Hà	Khai thác	Mỏ đá Tà Hồ, xã Tà Chải, H Bắc Hà	171/QĐ- UBND 19/01/2006; 2021/GP- UBND 16/8/2012	UBND tỉnh Lào Cai	684.695 m ³ (Cấp 121: 272.421 m ³ ; Cấp 122: 412.274 m ³)	30.000; 45.000	3 năm; Đến hết T11/2025	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	Cấp lại
2	Công ty TNHH Cao Hà	Thôn Bắc Hà 3, TT Bắc Hà - H. Bắc Hà	Khai thác	Hoà Sư Pán Xã Na Hối - H. Bắc Hà	3892/QĐ- UBND 28/12/2006; 4585/GP- UBND ngày 20/12/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.164.049 m ³ (Cấp 121: 744.446 m ³ ; Cấp 122: 419.603 m ³)	45.000	05 năm	Đang khai thác	Làm VLXDĐT	
3	Công ty TNHH	Nhà ông	Khai	đá quarzit	2352/GP-	UBND	914.139 m ³	35.000	10 năm	Đang	Làm	

	MTV XD 189	Nguyễn Văn Bản, thôn Khởi Bung, xã Bảo Nhai - BH	thác	hàm lượng thấp làm VLXD thông thường thôn Bản Mẹt Ngoài, xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà	UBND 29/7/2015	tỉnh Lào Cai	(Cấp 121: 821.393 m ³ ; Cấp 122: 92.747 m ³) SiO ₂ <85% m ³ = 847.407; SiO ₂ ≥85% = 66.912 m ³ .			khai thác	VLXD TT	
--	------------	--	------	--	----------------	--------------	---	--	--	-----------	---------	--

V. Huyện Bảo Yên

1	Công ty TNHH KS và LK Việt Trung (DN Minh Quân; Công ty Việt Bắc)	Đại Lộ Trần Hưng Đạo, phường Bắc Cường	Khai thác	Mai Đào Xã Thượng Hà - H. Bảo Yên	3100/QĐ-UBND 28/11/2005; 359/QĐ-UBND 14/2/2006; 989/QĐ-UBND 24/4/2008; 1522/GP-UBND 21/6/2011; 1788/GP-UBND ngày 25/5/2017	UBND tỉnh Lào Cai	1.193.503 m ³ (Cấp 121: 887.934 m ³ ; Cấp 122: 305.569 m ³ ; Có 143.579 m ³ làm nguyên liệu trợ dung trong LK) và 455.000 m ³ (Cấp 121: 455.000 m ³)	45.000	7 năm	Chưa khai thác	Làm VLXD TT	
2	Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	Nhà Ông Phan Duy Tuấn, thôn Phú Thành 3, TT Phố Lu, H. Thắng	Khai thác	Điểm đá Bàn Mỏ Đá, xã Tân Dương, H. Bảo Yên	151/GP-UBND ngày 19/01/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.416.760 m ³ (Cấp 122: 1.416.760 m ³)	20.000	15 năm	Đang khai thác	Làm VLXD TT	


Tổng: 29 giấy phép

**DANH SÁCH PHÊ DUYỆT TRỪ LƯỢNG BẢO CÁO KẾT QUẢ THẨM ĐÒ ĐÁ LÀM VLXD THÔNG THƯỜNG
DO UBND TỈNH LÀO CAI CẤP PHÉP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

Theo theo báo cáo số: 22/BC-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Lào Cai

TT	Tên đơn vị, cá nhân	Số, ngày ký Quyết định phê duyệt	Loại giấy phép	Tên, vị trí khu vực thẩm dò	Số giấy phép	Cơ quan cấp	Trừ lượng đã được phê duyệt	Ghi chú
I. Huyện Bảo Thắng								
1	Công ty TM Lương Hà	564/QĐ-UBND 10/3/2011	Khai thác	Mỏ đá xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng	419/QĐ-CT 04/3/2002; 1444/GP-UBND ngày 27/4/2017	UBND tỉnh Lào Cai	2.206.572 m ³ (Cấp 121: 740.106 m ³ ; Cấp 122: 1.466.466 m ³)	
2	Công ty CP ĐTXD và PTNL Phúc Khánh	1926/QĐ-UBND 26/5/2016	Thẩm dò	Mỏ đá thôn Sàng Pá (Tùng Già 1 cũ) Xã Phong Hải - H. Bảo Thắng	3013/GP-UBND 10/9/2015	UBND tỉnh Lào Cai	1.569.388 m ³ (Khối 1-122: 756.158 m ³ ; Khối 2-122: 813.230 m ³)	
3	Công ty CP ĐTXD và PTNL Phúc Khánh	411/QĐ-UBND 23/02/2010	Khai Thác	Thôn Tùng Già, TT Phong Hải, H. Bảo Thắng, T. Lào Cai	3634/QĐ-UBND 02/12/2008 (GP khai thác)	UBND tỉnh Lào Cai	748.407 m ³ (Cấp 121: 363.341 m ³ ; Cấp 122: 385.066 m ³)	
4	Công ty CP Phú Hà được cấp lại từ mỏ đá của Công ty TNHH khai thác mỏ 573	1523/QĐ-UBND 07/6/2010	Khai thác	Mỏ đá Bản Cầm, xã Bản Cầm - H. Bảo Thắng	1147/QĐ-UBND 12/5/2008 4678/GP-UBND 22/12/2015 (Từ 11/6/2015)	UBND tỉnh Lào Cai	1.768.535 m ³ (Cấp 121: 1.477.531 m ³ ; Cấp 122: 291.004 m ³)	
5	DNTN Thanh Liên	523/QĐ-UBND 04/3/2011	Thẩm dò	Điểm đá XD Tân Quang, xã Xuân Quang-BT	3171/GP-UBND 08/11/2010	UBND tỉnh Lào Cai	1.877.079 m ³ (Cấp 121: 1.231.784 m ³ ; Cấp 122: 645.296 m ³)	
6	DNTN Đức Hạnh (cấp cho Công ty Anh ninh trước đây)	1925/QĐ-UBND 03/8/2011	Khai thác	Điểm đá XD thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang, H. Bảo Thắng	2582/QĐ-UBND 20/8/2008; 3530/GP-UBND 04/12/2013	UBND tỉnh Lào Cai	1.604.505 m ³ (Cấp 121: 534.835 m ³ ; Cấp 122: 1.069.670 m ³)	
7	Công ty TNHH XDTH Minh Đức	941/QĐ-UBND 16/4/2010	Khai thác	Mỏ đá thôn Bắc Ngâm, xã Xuân Quang - H. Bảo Thắng	3706/QĐ-UBND 28/12/2007; 1015/GP-UBND ngày 08/4/2016	UBND tỉnh Lào Cai	2.696.000 m ³ (Khối 1-122: 483.000 m ³ ; Khối 2-122: 323.000 m ³ ; Khối 3-122: 682.000 m ³);	

							Khối 4-122: 321.000 m ³ ; Khối 5-122: 887.000 m ³)
8	Công ty TNHH Phúc Lộc Cường Thịnh Thi (Công ty CP ĐTXD và PT hạ tầng VINACONEX; Ngọc Lan chuyên nhượng)	3170/QĐ-UBND 08/11/2010	Khai thác	Mỏ đá XD thôn Bán Cầm, xã Bán Cầm, H. Bảo Thắng	1512/QĐ-UBND 02/6/2009; 819/GP-UBND 07/4/2011; 1099/GP-UBND ngày 15/4/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.796.536 m ³ (Cấp 121: 1.613.858 m ³ ; Cấp 122: 182.678 m ³)
9	Công ty CPĐT XD và TM Nam Tiến	413/QĐ-UBND 23/02/2010	Khai thác	Mỏ đá Bán Cầm, xã Bán Cầm, H. Bảo Thắng	1229/GP-UBND 11/5/2010	UBND tỉnh Lào Cai	2.151.252 m ³ (Cấp 121: 463.096 m ³ ; Cấp 122: 1.688.155 m ³)
10	Công ty CP khai khoáng Minh Đức (vị trí này trước cấp cho cty XD Cầu)	939/QĐ-UBND 16/4/2010	Khai thác	Mỏ đá XD thôn Nậm Tang, xã Bán Cầm, H. Bảo Thắng	3461/QĐ-UBND 30/11/2006; 971/GP-UBND 17/4/2009; 630/GP-UBND 18/3/2011; 521/GP-UBND ngày 01/3/2016	UBND tỉnh Lào Cai	910.000 m ³ (Khối 1-122: 356.000 m ³ ; Khối 2-122: 554.000 m ³)
11	Công ty TNHH Xây lắp công trình Hồng Toàn	926/QĐ-UBND 15/4/2010	Khai thác	Mỏ đá Bán Cầm, xã Bán Cầm, H. Bảo Thắng	2361/QĐ-UBND 03/8/2009; 2009/GP-UBND 19/7/2010	UBND tỉnh Lào Cai	3.898.944 m ³ (Cấp 121: 2.589.944 m ³ ; Cấp 122: 1.300.000 m ³)
12	Công ty TNHH MTV Hoàng Liên Thanh (Công ty Tây Bắc - Bộ Quốc phòng;)	2810/QĐ-UBND 07/6/2010	Thăm dò	Mỏ đá XD thôn 1, TT Phong Hải, H. Bảo Thắng	1681/GP-UBND, 22/6/2010	UBND tỉnh Lào Cai	1.644.201 m ³ (Cấp 121: 649.983 m ³ ; Cấp 122: 994.221 m ³)
13	Công ty TNHH MTV Thiên Thanh	414/QĐ-UBND 23/02/2010	Thăm dò	Mỏ đá thôn Toòng Già, TT Phong Hải, H. Bảo Thắng	4230/GP-UBND 10/12/2009	UBND tỉnh Lào Cai	2.319.259 m ³ (Cấp 121: 548.792 m ³ ; Cấp 122: 1.770.467 m ³)
14	Công ty TNHH An Trường Phú	812/QĐ-UBND 07/4/2010	Thăm dò	Mỏ đá XD thôn Bán Lọt, xã Bán Cầm, H. Bảo Thắng	4046/GP-UBND 01/12/2009	UBND tỉnh Lào Cai	836.763 m ³ (Cấp 121: 455.641 m ³ ; Cấp 122: 381.122 m ³)
15	Công ty CPĐT TM và XD Thăng Long-Lào Cai	270/QĐ-UBND 29/01/2010	Thăm dò	Mỏ đá thôn A Dong, TT Phong Hải, H. Bảo Thắng	3813/GP-UBND 17/11/2009	UBND tỉnh Lào Cai	1.592.449 m ³ (Cấp 121: 528.744 m ³ ; Cấp 122: 1.063.705 m ³)
16	Công ty CP thủy điện Sông Đà-Hoàng Liên	2742/QĐ-UBND 08/6/2017	Khai thác	Mỏ đá thôn Cán Hồ, xã Phong Niên, huyện Bảo	937/QĐ-UBND 18/4/2008	UBND tỉnh Lào Cai	Cấp 122: 7.020.635 m ³ +Khối 1-122: 2.882.352m ³ ; +Khối 2-122: 2.623.365

				Thắng, T.Lào Cai			m ² ; + Khối 3-122: 2.882.352 m ² + Khối rìa ngoài cùng (đầu mút): 128.153 m ² .	
17		9542/QĐ-UBND 02/12/2010	Khai thác	Mỏ đá Tân Hồ, xã Phong Niên - H. Bảo Thắng	3418/QĐ-UBND 28/11/2006; 164/GP- UBND, 20/01/2009; 1473/GP-UBND 15/6/2011	UBND tỉnh Lào Cai	2.579.847 m ² (Cấp 121: 1.121.260 m ² ; Cấp 122: 1.448.588 m ²)	
18	DN TN Đức Mạnh	1027/QĐ-UBND 22/4/2010	Khai thác	Mỏ đá Cốc Sấm, xã Phong Niên - H. Bảo Thắng	3332/QĐ-UBND 06/12/2007; 1488/GP- UBND 28/5/2015	UBND tỉnh Lào Cai	3.085.260 m ² (Cấp 121: 973.711 m ² ; Cấp 122: 2.111.549 m ²)	
19	Công ty TNHH Thịnh Hoàn	3637/QĐ-UBND 08/12/2010	Khai thác	Mỏ đá Nặm Tang, thôn Nặm Tang, xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng	Số 1896/QĐ-UBND ngày 09/7/2008; 771/GP-UBND 02/4/2013	UBND tỉnh Lào Cai	1.973.263 m ² (Cấp 121: 222.634 m ² ; Cấp 122: 1.750.629 m ²)	
20	Công ty TM Lương Hà	1697/QĐ-UBND 19/5/2017	Thăm đò	Mỏ đá xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng	4809/GP-UBND 30/12/2016	UBND tỉnh Lào Cai	Cấp 122: 2.862.145 m ²	
21	Công ty CP TM Minh Long	565/QĐ-UBND 10/3/2011	Thăm đò	Mỏ đá XD thôn Nặm Tang 2, xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng	3256/GP-UBND 16/11/2010	UBND tỉnh Lào Cai	1.531.365 m ² (Cấp 121: 379.303 m ² ; Cấp 122: 1.152.062 m ²)	
22	DNTN Thanh Liên	522/QĐ-UBND 04/3/2011	Thăm đò	Mỏ đá XD thôn Nặm Tang, xã Bản Cầm, H. Bảo Thắng	3171/GP-UBND 08/11/2010	UBND tỉnh Lào Cai	Cấp 121: 545.229 m ² ; Cấp 122: 1.044.868 m ²)	
II. Huyện Văn Bàn								
1	HTX Xuân Thành	1926/QĐ-UBND 03/8/2011	Khai thác	Mỏ đá Vạy Ú Xã Khánh Yên Thượng - H. Văn Bàn	1993/QĐ-UBND 31/7/2006; 1894/QĐ- UBND 09/7/2008; 3830/GP-UBND 24/12/2013	UBND tỉnh Lào Cai	540.802 m ² (Cấp 121: 540.802 m ²)	
2	Công ty TNHH MTV Trung Anh nhận chuyển	887/QĐ-UBND 14/4/2011	Khai thác	Mỏ đá thôn Làng Vinh, X. Võ Lao, H. Văn Bàn	35/QĐ-CT 11/01/2005; 83/QĐ-UBND 11/4/2007; 1340/GP-	UBND tỉnh Lào Cai	3.009.479 m ² (Cấp 121: 956.694 m ² ; Cấp 122: 2.052.785 m ²)	

	nhượng từ Công ty CP Phú Hà (DN Phú Xuyên)				UBND 07/6/2012; 2838/GP-UBND ngày 20/6/2017		
3	Công ty CP XD giao thông 18 (Công ty TNHH Cát Khánh)	255/QĐ-UBND 29/01/2010	Thăm dò	Mỏ đá Khe Bàn 2, xã Tân An, H. Văn Bàn	4045/GP-UBND 01/12/2009	UBND tỉnh Lào Cai	1.526.988 m ³ (Cấp 121: 691.540 m ³ ; Cấp 122: 835.448 m ³)
4	Công ty CP ĐT QT Sa Pa	563/QĐ-UBND 10/3/2011	Khai thác	Mỏ đá XD Tam Đình, xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	1399/GP-UBND 28/5/2010; 3014/GP-UBND ngày 10/9/2015	UBND tỉnh Lào Cai	684.626 m ³ (Cấp 121: 363.984 m ³ ; Cấp 122: 320.642 m ³)
5	Công ty CP XL và Vận tải Long Vũ	851/QĐ-UBND 02/4/2015	Thăm dò	Điểm đá thôn Nà Lọc, xã Khánh Yên Thượng, huyện Văn Bàn	2961/GP-UBND 17/10/2014	UBND tỉnh Lào Cai	810.243 m ³ (Cấp 122: 810.243 m ³)
6	DN Sơn Trung	1927/QĐ-UBND 03/8/2011	Khai thác	Điểm đá Pá Chiêu, thôn Loong Chai, xã Khánh Yên Trung, H. Bảo Yên	1894/QĐ-UBND 09/7/2008; 3829/GP-UBND 24/12/2013	UBND tỉnh Lào Cai	488.653 m ³ (Cấp 121: 488.653 m ³)
7	Công ty TNHH TMTH Thái Bảo	1062/QĐ-UBND 20/4/2015	Thăm dò	Điểm đá thôn Nà Lọc và khu vực Đán Đăm, xã Khánh Yên Thượng - H Văn Bàn	123/GP-UBND 13/01/2015	UBND tỉnh Lào Cai	2.030.538 m ³ (Cấp 122: 2.030.538 m ³)
8	Công ty TNHH XDTH Minh Đức	940/QĐ-UBND 16/4/2010	Khai thác	Mỏ đá thòa Ngẫu i xã Võ Lao - H. Văn Bàn	3704/QĐ-UBND 28/12/2007; 1514/GP-UBND 04/6/2010	UBND tỉnh Lào Cai	3.167.000 m ³ (Khối 1-122: 1.032.000 m ³ ; Khối 2-122: 673.000 m ³ ; Khối 3-122: 1.462.000 m ³);
9	Công ty CP VLXD đường bộ 668	561/QĐ-UBND 10/3/2011	Khai thác	Mỏ đá Khe Hồng, xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	817/GP-UBND 08/4/2010	UBND tỉnh Lào Cai	5.191.929 m ³ (Cấp 121: 1.181.522 m ³ ; Cấp 122: 4.010.407 m ³)
10	Công ty TNHH TMTH Văn Bàn	211/QĐ-UBND 26/01/2011	Khai thác	Mỏ đá XD thôn 6 Thác Dây, xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	3193/QĐ-UBND ngày 28/10/2008; 1676/GP-UBND 04/7/2011	UBND tỉnh Lào Cai	795.745 m ³ (Cấp 121: 511.536 m ³ ; Cấp 122: 284.209 m ³)
11	Công ty CP khai	3941/QĐ-UBND	Khai	Mỏ đá thôn Khe	3705/QĐ-UBND	UBND	8.500.000 m ³ (Cấp 122-mỏ thôn Khe

	khoáng Minh Đức	31/12/2010	thác	Lạch và thôn Thiện Phùng, xã Sơn Thủy, H. Văn Bàn	28/12/2007; 814/GP-UBND 07/4/2010	tỉnh Lào Cai	Lạch: 4.300.000 m ³ Cấp 122-mỏ thôn Thiện Phùng: 4.200.000 m ³	
12	Công ty TNHH MTV Phúc Thịnh	417/QĐ-UBND 28/02/2010	Khai thác	Mỏ đá XD thôn Bè 2, xã Chiềng Ken, H. Văn Bàn	3551/QĐ-UBND 21/12/2007; 591/GP-UBND 15/3/2011	UBND tỉnh Lào Cai	543.498 m ³ (Cấp 121: 254.773 m ³ ; Cấp 122: 288.725 m ³)	
III. Huyện Sa Pa								
1	Công ty TNHH MTV Kim Tuyên (vị trí Cty Hùng Cường)	3933/QĐ-UBND 31/12/2010	Thăm dò	Mỏ đá XD tổ 12, k4+500, TT SaPa, H. SaPa	2008/GP-UBND 19/7/2010	UBND tỉnh Lào Cai	1.120.032 m ³ (Cấp 121: 967.640 m ³ ; Cấp 122: 152.392 m ³)	
2	Công ty TNHH Xây lắp Cường Lĩnh	209/QĐ-UBND 26/01/2011	Thăm dò	Mỏ đá tổ 23, Ô Quý Hồ, TT Sa Pa, H. Sa Pa	2580/GP-UBND 13/9/2010	UBND tỉnh Lào Cai	516.498 m ³ (Cấp 121: 163.285 m ³ ; Cấp 122: 353.213 m ³)	
IV. Huyện Mường Khương								
1	DN Khước Tĩnh	3931/QĐ-UBND 31/12/2010	Khai thác	Mỏ đá Làng Tao, xã Bản Lầu - H. Mường Khương	3891/QĐ-UBND 28/12/2006; 1337/GP-UBND 04/6/2013	UBND tỉnh Lào Cai	219.003 m ³ (Cấp 121: 219.003 m ³)	
2	Công ty TNHH Quang Hưng	1546/QĐ-UBND 26/5/2016	Thăm dò	mỏ đá Na Pù Sáo, thôn Na Khuy, thị trấn Mường Khương	4863/GP-UBND 31/12/2015; QĐ điều chỉnh ranh giới, DT và trữ lượng số 3229/QĐ-UBND ngày 03/10/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.475.991 m ³ (Cấp 121: 627.416 m ³ ; Cấp 122: 848.575 m ³) và Cấp 122: 536.090 m ³	
3	Công ty TNHH Đồng Hải	269/QĐ-UBND 29/01/2010	Thăm dò	Mỏ đá XD Mã Tuyên, X. Mường Khương, H. Mường Khương	3220/GP-UBND 12/10/2009	UBND tỉnh Lào Cai	1.056.391 m ³ (Cấp 121: 281.725,5 m ³ ; Cấp 122: 774.665,5 m ³)	
4	Công ty TNHH MTV Hưng Phát	924/QĐ-UBND 15/4/2010	Thăm dò	Mỏ đá thôn Mã Tuyên, Xã Mường Khương, H. Mường Khương	4229/GP-UBND 10/12/2009	UBND tỉnh Lào Cai	700.700 m ³ (Cấp 121: 361.551 m ³ ; Cấp 122: 339.148 m ³)	

5	Công ty CP SX và XNK Minh Thành	415/QĐ-UBND 23/02/2010	Thăm dò	Mỏ đá thôn Bán Lán, xã Lùng Vai, H. Mường Khương	4045/GP-UBND 06/11/2009	UBND tỉnh Lào Cai	1.194.238 m ³ (Cấp 121: 552.236 m ³ ; Cấp 122: 642.002 m ³)	
V. Huyện Bắc Hà								
1	Công ty TNHH Anh Nguyễn (Tiến Huy)	986/QĐ-UBND 20/4/2010	Khai thác	Mỏ đá Tà HỒ, xã Tà Chải, H Bắc Hà	171/QĐ-UBND 19/01/2006; 83/GP-UBND 14/01/2010; 2021/GP-UBND 16/8/2012	UBND tỉnh Lào Cai	684.695 m ³ (Cấp 121: 272.421 m ³ ; Cấp 122: 412.274 m ³)	
2	Công ty TNHH Cao Hà	3660/QĐ-UBND 09/12/2010	Khai thác	Mỏ đá Hoà Sư Pán, xã Na Hối - H. Bắc Hà	3892/QĐ-UBND 28/12/2006; 4585/GP-UBND ngày 20/12/2016	UBND tỉnh Lào Cai	1.164.049 m ³ (Cấp 121: 744.446 m ³ ; Cấp 122: 419.603 m ³)	
3	Công ty TNHH MTV XD 189	880/QĐ-UBND 31/3/2014	Thăm dò	Mỏ đá quazit hàm lượng thấp làm VLXD thông thường thôn Bán Mẹt Ngoài, xã Bảo Nhai, huyện Bắc Hà	3329/GP-UBND 22/11/2013	UBND tỉnh Lào Cai	914.139 m ³ (Cấp 121: 821.393 m ³ ; Cấp 122: 92.747 m ³) SiO ₂ <85% m ³ = 847.407; SiO ₂ ≥85% = 66.912 m ³ .	
4	HTX Xuân Hùng	925/QĐ-UBND 15/4/2010	Khai thác	Mỏ đá Na HỒ, xã Tà Chải, Bắc Hà	3335/QĐ-UBND 06/12/07; 3846/GP-UBND 29/12/2010	UBND tỉnh Lào Cai	230.045 m ³ (Cấp 121: 124.598 m ³ ; Cấp 122: 105.447 m ³)	
5	Công ty TNHH Tân Thanh	1847/QĐ-UBND 07/6/2010	Thăm dò	Mỏ đá Hà Tiên, xã Cốc Lầu - H. Bắc Hà	4227/GP-UBND 10/12/2009	UBND tỉnh Lào Cai	325.744 m ³ (Cấp 122: 325.744 m ³) Trong đó có 321.408 m ³ có thể huy động để KT	
VI. Huyện Bát Xát								
1	Doanh nghiệp TN Đức Hạnh (Công ty CP Công trình GT Lào Cai)	1524/QĐ-UBND 07/6/2010	Khai thác	Mỏ đá Thôn An San, xã Cốc San, huyện Bát Xát	1840/QĐ-UBND ngày 03/7/2008; 1741/GP-UBND 11/7/2011	UBND tỉnh Lào Cai	856.865 m ³ (Cấp 121: 299.200 m ³ ; Cấp 122: 557.665 m ³)	
VII. Huyện Bảo Yên								

1	Công ty TNHH KS và LK... (DN...) C...	1696/QĐ-UBND 23/6/2010	Thăm đò	Mỏ đá Mai Đào, xã Thượng Hà - H. Bán Yên	762/GP-UBND 31/3/2010 và 3100/QĐ-UBND, 28/11/2005	UBND tỉnh Lào Cai	1.193.503 m ³ (Cấp 121: 887.934 m ³ ; Cấp 122: 305.569 m ³ ; Có 143.579 m ³ làm nguyên liệu trữ dụng trong LK) và 455.000 m ³ (Cấp 121: 455.000 m ³)	
2	Công ty TNHH D...	1063/QĐ-UBND 20/4/2015	Thăm đò	Điểm đá Bán Mỏ Đá, xã Tân Dương, H Bảo Yên	3382/GP-UBND 04/11/2014	UBND tỉnh Lào Cai	1.416.760 m ³ (Cấp 122: 1.416.760 m ³)	
3	Công ty TNHH Tùng Hương	213/QĐ-UBND 26/01/2011	Khai thác	Bán mỏ đá Xã Tân Dương - H. Bán Yên	2815/QĐ-UBND 09/10/2006 và 1823/QĐ-UBND 31/7/2006	UBND tỉnh Lào Cai	214.070 m ³ (Cấp 121: 15.706 m ³ ; Cấp 122: 198.364 m ³)	
VII. Huyện Si Ma Cai								
1	HTX Vạn Lực	562/QĐ-UBND 10/3/2011	Thăm đò	Mỏ đá thôn Phố Cũ, xã Si Ma Cai, H. Si Ma Cai	3172/GP-UBND 08/11/2010	UBND tỉnh Lào Cai	1.054.783 m ³ (Cấp 121: 238.266 m ³ ; Cấp 122: 816.517 m ³)	
2	HTX Bản Mế	535/QĐ-UBND 08/3/2011	Thăm đò	Mỏ đá Phố Cũ, xã Si Ma Cai, huyện Si Ma Cai	3559/GP-UBND 06/12/2010	UBND tỉnh Lào Cai	195.696 m ³ (Cấp 121: 195.646 m ³)	

BẢNG THỐNG KÊ SẢN LƯỢNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TỪ NĂM 2014 ĐẾN 2016

theo báo cáo số: 22 /BC-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2017 của UBND tỉnh Lào Cai

Số TT	Tên đơn vị, tổ chức	Giấy phép khai thác khoáng sản	Loại Khoáng sản	Sản lượng khai thác (m ³) năm 2014	Sản lượng khai thác (m ³) năm 2015	Sản lượng khai thác (m ³) năm 2016	Trữ lượng địa chất	Trữ lượng được phép khai thác	Trữ lượng địa chất đã khai thác từ thời điểm cấp phép đến 31/12/2016	Tổng sản lượng KS đã KT từ thời điểm cấp phép đến 31/12/2016	Trữ Lượng còn lại
1	Công ty TNHH MTV Duy Hiếu	151/GP-UBND ngày 19/1/2016	Đá XD	-	-	9.500	1.416.760		10.556	9.500	1.406.204
2	Công ty TNHH Đông Hải	1505/GP-UBND ngày 04/6/2010	Đá XD		1.150	28.514	1.056.391	1.056.391	52.069	46.629	100.432.218
3	Than Sông Hồng tại Lào Cai (DN TN Đức Mạnh)	2354/QĐ-CT ngày 25/8/2008	Đá XD		9.982	13.859		226.164	26.490	23.841	202.323
4	Công ty TM Lương Hà	419/QĐ-CT ngày 04/03/2002	Đá XD	98.880	99.550	99.820	2.710.000	2.206.572	1.183.599	1.406.370	1.526.401
5	Công ty CP Phú Hà	3174/GP-UBND ngày 08/11/2010	Đá XD	28.980	29.680	110.000	2.834.333	1.768.535	363.453	333.315	1.405.082
6	Công ty CP ĐT XD và TM Nam Tiến	1229/QĐ-UBND ngày 11/5/2010	Đá XD	202.056	160.285	97.338	2.151.252	2.151.252	862.763	776.487	1.077.957
7	Công ty TNHH XDTH Minh Đức	1015/GP-UBND ngày 08/4/2016	Đá XD	29.500	-	13.989	2.696.000		292.580	263.322	1.167.449
8	Công ty TNHH XDTH Minh Đức	521/GP-UBND ngày 01/3/2016	Đá XD	24.000	24.000	6.876	910.000		104.283	93.855	791.508
9	Công ty TNHH Anh Nguyễn (Tiến Huy)	2021/GP-UBND ngày 16/8/2012	Đá XD	45.000	45	44.955	684.695		118.667	106.800	566.028
10	Công ty CP ĐT QT Sa Pa	1399/GP-UBND ngày 28/5/2010	Đá XD	30.000	21.000	-	684.626	684.626	26.255.556	23.630.000	602.765
11	Công ty TNHH Cao Hà	4585/GP-UBND (Giã hạn) ngày 20/12/2016	Đá XD	20.000	29.806	29.806	1.164.049		33.118	29.806	1.130.931
12	Công ty TNHH MTV Hoàng Liên Thanh	2032/GP-UBND ngày 05/11/2011	Đá XD	36.814	16.708	-	1.644.201	552.187	74.393	66.954	1.569.808
13	Công ty CP ĐTXD và PTNL Phúc Khánh (Bảo Thắng)	662/GP-UBND ngày 23/3/2011	Đá XD	23.250	23.250	-	748.407	748.407	125.799	113.219	622.608
14	DNTN Đức Hạnh (Bảo Thắng)	3530/GP-UBND ngày 04/12/2013	Đá XD	57.093	43.827	52.075	1.604.505	350.000	169.993	152.994	197.006

Số TT	Tên đơn vị, tổ chức	Giấy phép khai thác khoáng sản	Loại Khoáng sản	Sản lượng khai thác (m ³) năm 2014	Sản lượng khai thác (m ³) năm 2015	Sản lượng khai thác (m ³) năm 2016	Trữ lượng địa chất	Trữ lượng được phép khai thác	Trữ lượng địa chất đã khai thác từ thời điểm cấp phép đến 31/12/2016	Tổng sản lượng KS đã KT từ thời điểm cấp phép đến 31/12/2016	Trữ Lượng còn lại
15	Công ty TNHH MTV Trung Anh	1584/GP-UBND ngày 27/6/2013	Đá XD	96.000	98.500	111.450	2.784.479	2.784.479	409.389	368.450	2.375.090
16	DN Sơn Trung	3829/GP-UBND ngày 24/12/2013	Đá XD	20.068	15.287	15.000	488.653	315.013	55.950	50.355	432.703
17	HTX Xuân Thành	3830/GP-UBND ngày 24/12/2013	Đá XD	10.000	10.000	14.000	540.802	388.553	37.778	34.000	503.024
18	Công ty TNHH KS và LK Việt Trung	1522/GP-UBND ngày 21/6/2011	Đá XD	-	-	-	2.416.029	854.432			2.416.029
19	Công ty TNHH Xây lắp công trình Hồng Toàn	09/GP-UBND ngày 05/01/2010	Đá XD	226.660	200.000	162.983	3.898.944	1.200.000	514.716	463.244	3.384.228
20	Công ty TNHH MTV Thiên Thanh	70/GP-UBND ngày 12/01/2016 (gia hạn)	Đá XD		41.024	-	2.319.259				2.319.259
21	Công ty TNHH MTV Hưng Phát	2522/GP-UBND ngày 10/2010	Đá XD			19.138	700.700		21.264	19.138	679.436
22	Công ty TNHH MTV XD 189	2352/GP-UBND ngày 29/7/2015	Đá XD	-	-	33.959	1.526.988	300.000	37.732	33.959	1.489.256
23	DNTN Thanh Liên	2394/GP-UBND ngày 12/9/2013	Đá XD	-	-		1.877.079				1.877.079
24	Công ty TNHH Phúc Lộc Cường Thịnh Thi	1099/GP-UBND ngày 15/4/2016	Đá XD	-	-	-	1.796.536	150.000			1.796.536
25	Công ty CP XL và Vận tải Long Vũ	295/GP-UBND ngày 29/01/2016	Đá XD			28.500	810.243		31.667	28.500	778.576
26	Công ty TNHH TMTH Thái Bảo	2912/GP-UBND ngày 06/9/2016	Đá XD				2.030.538				2.030.538
27	DN Khước Tĩnh	1337/GP-UBND ngày 04/6/2013	Đá XD	-	-	-	219.003				219.003
28	Công ty CP XD giao thông 18 (Công ty TNHH Cát Khánh)	3049/GP-UBND ngày 19/9/2016	Đá XD	-	-		1.681.777				1.681.777
29	Kim Tuyến	2205/Q Đ-UBND ngày 12/8/2014	Đá XD	60.000	84.000	60.000	1.120.032	1.120.032	307.988	286.429	833.603
		Tổng		1.008.301	908.094	951.762	44.516.281	16.856.643	31.089.803	28.337.168	135.514.426

1/18